

LỜI KINH BAN MAI

HUỆ GIÁO



CHÙA KỶ VIÊN TRUNG NGHĨA
TỦ SÁCH TÂM THỊ 47

Lời Kinh Ban Mai
Huyền Giáo

NGÀY MỚI

**Ngày mới nhớ Phật vô cùng
Quét sân đơn độc cho chùa xanh tươi
Âm thầm giữa chốn trần gian
Giữa đường gió bụi để người ngủ say.**

LỜI NÓI ĐẦU

Lời kinh ban mai là một tuyển tập những bài viết chảy dài theo thời gian, vào những buổi sáng, để bắt đầu cho tất cả công việc, sau thời trì tụng kinh ban mai. Viết để đọc và viết để gửi đến những người đồng điệu tâm thức, hầu chia sẻ những hân hoan trên bước đường học đạo.

Lời kinh ban mai không phải một cuốn chỉ nam học Phật, cũng càng không phải là một áng văn dạt dào cảm xúc, chỉ gói gọn những tâm tình đạo lý được hiểu và nghiệm qua những lời Phật dạy, được áp dụng trong đời sống đạo.

Nhân duyên *Lời kinh ban mai* đến tay bạn đọc gần xa, từ sự phát tâm in ấn của Phật tử Trần Thị Đông Hà, pháp danh Nguyên Hóa, và chỉnh sửa bản thảo của một số Phật tử, nơi đây tác giả xin chân thành cảm ơn và hồi hướng phước đức này đến với mọi loài hữu tình.

Trân trọng giới thiệu đến độc giả gần xa.

Huệ Giáo

SUY NGHIỆM CHÂN LÝ

Chân lý sẽ không thuộc về ai cố gắng tìm kiếm và nắm giữ chúng, chân lý là một thực thể hiển nhiên, không động mà động, không tịch mà tịch, thường nhiên như là mặt trời tự nóng và mặt trăng chiếu sáng, màn đêm buông xuống thì âm u và tối tăm. Chân lý là một thể khi nó tự nhiên là chính nó.

Người đi tìm chân lý là người biết vận hành theo dòng tự nhiên, cao siêu thì bất động trước các pháp, hạ cơ thì biết vận động theo quy luật, thế mới hiểu làm sao để phù hợp với chân lý.

Chân lý là không hình tướng, tại sao phải đi tìm kiếm từ hình tướng để cầu mong ngộ ra chân lý? Con đường phương tiện nằm trong quy luật của thế gian sống còn, cũng chỉ để nhận thấy dấu vết của chân lý mà đi, chứ hoàn toàn không phải chân lý thật.

Chân lý thật nằm ở chỗ, là khi hiểu biết của con người đủ để tĩnh tâm nhìn nhận ra vấn đề thật giả, có phải chăng do động khởi của tâm thức biến động mà chân lý chuyển hướng sai lệch, như

họa sĩ vẽ thêm chân cho rắn và tô màu sắc cho lân, rồi để rồi ren và hoa mắt.

Hãy để mọi thứ đi theo một quy luật thường hằng như bản chất của chúng không hề thay đổi.

GÌN GIỮ CĂN LÀNH

Điều lành và điều tốt luôn song hành với nhau trong đời sống của con người, nó như là một phần máu thịt mà không ai có thể không nhận ra trong tâm thức mình. Chính ngay trong nhận thức hiện tại, con người cũng hiểu ra được tất cả hành vi thiện đều dẫn đến kết quả tốt đẹp. Và do vậy, ai cũng muốn mình làm được những điều tốt đẹp nhất. Tuy nhiên, để làm được điều đó thì không đơn giản chút nào, trong tâm khảm sâu xa một hành vi phát khởi vẫn bị tác động bởi nghiệp lực mà đôi khi con người cũng khó kiểm soát nổi.

Phật dạy, trước hết muốn có được một hành vi thật lành thì trong tâm thức luôn luôn chứa đựng những suy nghĩ chí thiện, cho đến nỗi khó có gì mà lay chuyển thì việc này có thể xảy ra.

Thông thường, việc thiện phát khởi một cách hời hợt và đôi khi rất mỏng manh. Do đó, con người không thể kiềm chế nổi tác dụng mạnh mẽ của tham-sân-si mà họ đã tạo ra nhiều đời nhiều kiếp. Do vậy, mới biết rằng, hiện đời việc thiện cần phải làm nhiều hơn nữa để lấn áp những điều bất thiện.

Thiện và bất thiện tưởng như là việc nhỏ trong cuộc sống, nhưng nó đủ để chi phối cả một đời người, bởi lẽ con người sống còn, khổ đau hay hạnh phúc đều bị chi phối bởi những tính chất này. Nếu không có phước thì không thể sống nổi một đời sống an vui, người thiếu phước thì vô cùng trắc trở trong đời sống, đó là một quy luật quá tự nhiên.

MỞ CỬA TỰ TÂM

Tâm vốn đã là một thể trong sáng và không hề bị vẩn đục, tựa như ánh sáng mặt trăng lúc nào cũng chiếu sáng không hề tối tăm, có chăng bởi tác động ngoại cảnh, ảnh hưởng gió mưa, cây cỏ và muôn ngàn sự ngăn che khác, nhưng dù có che khuất thể nào chẳng nữa, thì ánh sáng đó vẫn luôn luôn sẵn chiếu, dù trong góc ngách nào.

Tâm của mỗi chúng sanh cũng thế, vốn nguyên thể là trong sáng và thanh tịnh hoàn toàn, nhưng vì nghiệp lực vô minh che lấp, ánh sáng đó dần dà bị tác dụng nhiều chiều, thuật ngữ gọi là tâm theo chiều hướng vọng động. Khi tâm vọng thì ánh sáng đó bỗng trở nên tối tăm. Do vậy, tâm chỉ là một, nhưng có tịnh và động, mê và ngộ, ô nhiễm và thanh tịnh nên tâm thành nhiều tướng trạng khác nhau. Như thể của nước là lỏng, tánh của nước là ướt, nhưng dụng của nước thì khác nhau, có khi là sóng, có khi là trong và cũng khi là đục, nhiều tướng trạng khác nhau, theo hoạt dụng của chúng.

Danh từ “*tâm hành*” nghĩa là bản tâm luôn tự mở ra và hằng chiếu. Chúng sanh thì luôn sống

trong tâm hành, nghĩa là thích động và sợ tĩnh. Sự im lặng đáng sợ thuộc về một chúng sanh yếu ớt, nhưng đối với một bậc trượng phu thì “*im lặng như sấm sét, im lặng hùng tráng, im lặng như mặt nước hồ mùa thu*”. Biết thế, chúng ta hãy vận dụng vào tâm hành này, và vào tác dụng của nó. Hãy nên mở rộng tâm hồn để đón nhận tất cả những gì đang được chiếu sáng và thâm nạp chúng trong cái dụng “*lựa chọn*”. Chọn gì để thâm nạp và lấy những gì cần lấy. Những điều làm cho tâm này trở nên sâu héo thì hãy nên sớm suy nghĩ và vứt bỏ, cái gì khiến cho tâm hân hoan thì nên phát triển và gìn giữ chúng.

Hơi thở quyết định sự sống. Còn thở là còn sống, hết thở chính là mạng sống của chúng ta cũng chấm dứt. Do vậy, từ xưa hơi thở đã được con người trân quý và cho đến hôm nay vẫn mang giá trị tuyệt đối. Khi tâm rơi vào trạng thái hân hoan hay đau khổ, trong những thời khắc này chúng ta sẽ thấy rõ, hơi thở đóng vai trò rất quan trọng. Vậy nên chú ý và làm sao để có được hơi thở trong lành, thơm tho.

Vì thế, mở cửa tự tâm hãy bắt đầu từ điều hòa hơi thở và như thế thì chúng ta đủ sáng suốt để mở và đón nhận tất cả từ tâm này. Người điều phục được hơi thở, sáng danh một bậc trượng phu. Đức Phật cũng có hiệu Điều Ngự, Thiên Nhơn Sư....

ĐÔI MẮT ĐỂ THẤY

Thuật ngữ Phật học, “*nhãn căn*” chỉ con mắt thịt của các loài, “*nhãn thức*” là đôi mắt đó có tác động phân biệt của thức biến, và có tương tác với sắc trần. Như vậy, đôi mắt hữu dụng là để thấy, nhưng cái thấy này tùy theo mỗi căn tánh, chủng nghiệp mà có cái thấy khác nhau, không ai giống ai, đẹp - xấu, thấp - hèn hay cao - sang, đúng - sai, chuẩn xác hay thiếu chuẩn tùy theo trình độ nhìn, và cấp độ nhận thức. “*Thấy*” theo âm Hán ngữ là “*Kiến*”.

Nhưng thật bất ngờ, có quá nhiều người đôi mắt không bệnh tật, khiếm thị, nhưng không bao giờ thấy, đã đánh mất chức năng vô biên của đôi mắt mình đang có, nhìn mà không thấy, chúng ta cũng có rất nhiều lần trong ngày rơi vào tình trạng này. Cho nên, đôi khi dân gian nói rằng, có mắt cũng như mù, thật là không sai. Vì sao? Vì lúc đó thức không có mặt, đã đi xa, không hiện hữu, hay hiện diện một cách loạn xạ, không tập trung. Cho dù có nhìn nhưng không thấy.

Thuộc tánh của thức là phân biệt. Các pháp sai biệt cũng từ thức này. Có người nhìn cảnh

núi cao biển rộng thì vui, có người nhìn thấy sông dài bể bạc thì quá buồn, sợ hãi, người thì nhìn thấy tro tro như vại. Như vậy, ở đây cái thấy biết, chủ đạo chính là thức chứ không phải là đôi mắt, do vậy người khiếm thị, người mù cũng có thể thấy được.

Cái thấy giữa phàm nhân và thánh nhân sẽ khác nhau:

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.*

Trông cũng là Thấy theo tiếng Việt Nam, phong phú đến thế đó. Nhìn về quê mẹ thấy xa xăm, nỗi nhớ mẹ của các người con, mẹ ở xa quá, hay mẹ đã mất.

*Chiều chiều xách giỏ hái rau
Ngó lên má mẹ ruột đau như dần.*

Ngó, Trông, Xem cũng là Thấy là Nhìn là Kiến là Thị. Có rất nhiều từ để chỉ cho sự thấy biết.

*Chiều chiều ra đứng bờ ao,
Trông cá cá lặn, trông sao, sao mờ.
Buồn trông con nhện giăng tơ,
Nhện ơi nhện hỡi, nhện chờ mối ai?*

*Buồn trông chênh chếch sao Mai,
Sao ơi sao hỡi, nhớ ai sao mờ?*

Người buồn thì thấy nhìn chỗ nào cũng buồn. Phàm tình là cái thấy thế đó. Theo tâm trạng, tình cảm, thích không thích v.v. Nhện giăng tơ mà thấy ra được đang chờ mỗi ai, thế mới biết là thức biến vô cùng tận.

Đức Phật đã từng nói: “Giáo pháp của Ta đến để mà thấy, chứ không phải đến để mà tin”. Tin là Thức, là tình cảm, vọng tình. Thấy là Trí là ngộ. Chưa ngộ thì khó có thể thấy được:

Kiến văn như huyễn uế,
Tam giới nhược không hoa.
Văn phục ế căn trừ,
Trần tiêu giác viên tịnh.

Tạm dịch:

*Thấy nghe như huyễn mộng
Ba cõi như không hoa
Điều phục tâm tan mộng
Sạch bụi trời trong xanh*

Sự thấy của người học đạo, dù thấy bằng đôi mắt thịt hay thấy bằng đôi mắt khiếm thị, cũng

thấy được tính chất thật, bản thể thật của các pháp, đó là huyền mộng, không sạch sẽ, không thật có, tạm vay mượn, chúng do tâm thức tô vẽ và tạo dựng ra. Gọi là Tánh thấy.

Như vậy, từ “*thức*” phân biệt cái thấy của đôi mắt chỉ là cầu nối của “*tâm thức*”. Từ đó, đôi mắt là chức năng chính, trở thành chức năng phụ thuộc. Do vậy, tánh thấy không nằm trong thức phân biệt mà là căn bản trí. Tánh thấy biểu lộ từ sức mạnh của đức Quán thế Âm, như sau: “*Bồ tát Quán Tự Tại, khi quán chiếu thâm sâu, Bát nhã ba la mật, bỗng soi thấu năm uẩn, đều không có tự tánh. Thực chứng đều ấy xong, Ngài vượt thoát tất cả, mọi khổ đau ách nạn*”.

Trong thế giới phàm tình, một chúng sanh phàm phu, và trong một con người chấp chững học đạo, chúng ta chưa hoài vọng có được cái nhìn, cái thấy về các pháp một cách “*vô tự tánh*” mà chỉ mong rằng, hãy nhìn các pháp bằng cách hạn chế “*sự chấp trước*”.

LẮNG NGHE ĐỂ HIỂU

Nghe là một chức năng quan trọng của các loài, hầu hết chức năng này có thể nói là một hoạt động đầu tiên của con người. Một đứa trẻ chưa đọc được, nhưng vẫn có thể nghe được để phân biệt, yêu mến. Từ nghe mà có thể nói và có thể hiểu được nhiều vấn đề khác nhau. Và cũng từ đó, sự nghe cứ đi theo mãi cho đến tận cùng kiếp sống. Nghe bằng mắt cũng là nghe, nghe được tín hiệu, mặc dầu không nghe được âm thanh phát ra đối với những người bị khuyết tật.

Nghe để mà nghe thì quá đơn giản, nhưng nghe để hiểu thì không đơn giản chút nào, cần phải thực tập, có thể nói cần phải học nhiều và lắng đọng tâm tư khi nghe. Nghe để nghe thường vấp phải nhiều sai lầm, vì phần lớn bị tác động bởi tâm lý yêu thích, kính trọng và xem thường. Nghe trong lúc tâm tư bị tác động bởi bản ngã, chấp trước, đố kỵ, ganh ghét, thì sự nghe đó, sẽ dẫn đến không đúng vấn đề, diễn đạt sai trái mang tới nhiều hệ lụy, đáng tiếc.

Nghe bằng tự tánh nghe, nghĩa là sự nghe không bị ngăn che bởi tâm lý ưa thích và chán ghét. Một bản nhạc hay thường không lời, một

nốt nhạc hay thường là không rõ nghĩa. Tự tánh nghe nghĩa là nghe bằng vô phân biệt của tâm thức, không cảm thọ, không bị rào cản của vọng động từ trái tim, nghe như thế bậc thánh đã đạt được:

Phật bảo Bồ tát Vô Tận Ý: “*Này Thiện nam tử! Nếu có vô lượng muôn ức chúng sanh đương chịu các khổ não, nghe danh hiệu Bồ tát Quán thế âm, thiết tha xưng niệm, tức thời Bồ tát Quán thế âm quán triệt âm thanh kia, đều được giải thoát.*”

Hạnh Quán Âm nghĩa là tu tập quán chiếu âm thanh từ trần thanh, sắc tướng đi đến chỗ nhất quán và miên mật. Quán chiếu âm thanh từ tình thương và lòng bi mẫn để hiểu được nỗi khó khăn của mình và người khác. Quán chiếu âm thanh từ lòng từ phổ quát, không vương mắc năng sở, để tiếp nhận tự tánh nghe, và nội lực của âm thanh.

Diệu âm là âm thanh vi diệu, âm thanh màu nhiệm. Có nghe được tự tánh thì mới nghe được âm thanh vi diệu. Nghe được âm thanh màu nhiệm là nghe để hiểu và nghe được nhiều căn tánh, cung cách nói khác nhau của các loài chúng sanh.

Âm thanh cũng chỉ là phương tiện để sống, người hoằng pháp âm thanh là phương tiện để

hành đạo, người ca sĩ âm thanh là phương tiện chuyển tải tâm tình và mỗi rung động của trái tim con người.

Nghe được âm thanh chân thật cũng vui được nhiều hệ lụy thương đau giữa con người và con người với nhau. Nghe để biết được nỗi khổ và tư duy của người khác thì sự nghe này mang nhiều kết quả trân quý.

TỎA NGÁT HƯƠNG THƠM

Hương thơm luôn tỏa ngát khắp nơi, cùng len lỏi cả cành cây ngọn cỏ, luôn mát dịu lòng người. Hương từ đồng nội tỏa ngát cả bầu trời xanh bao la. Tâm lý của chúng sanh luôn mang chiều hướng ưa thích những gì dễ chịu, và chán ghét những gì xú uế, từ thanh, trần và hương sắc. Sự nhận thức mùi hương bắt đầu từ lỗ mũi, tiếng âm Hán gọi là Tỉ. Tỉ là lỗ mũi, nơi phân biệt và xúc diện với hương trần.

Trong kinh Phật, ngoài mùi hương được tỏa ra từ vô vàn hương sắc khác nhau, còn một loài hương nữa, đó là loài hương có thể bay ngược gió và nhiều chiều hướng khác nhau, mùi hương đức hạnh. Hương đức hạnh cũng có thể hiểu là danh thơm của ai đó để lại cho đời, mùi hương này không giới hạn bởi không gian và thời gian.

Mùi hương của nước hoa được tinh chế, của thiên nhiên hoa đồng nội, của lúa non man mác cũng chỉ tỏa hương trong giới hạn của không gian gần và theo chiều gió thổi, nhưng hương đức hạnh thì lan tỏa khắp nơi và đi cùng khắp theo chiều dài của thời gian.

***“Hương của các loài hoa chiêm đàn, đa-già-la hay mặt lỵ đều không thể bay ngược gió, chỉ có mùi hương đức hạnh của người chân chính, tuy ngược gió vẫn bay khắp muôn phương”.
Pháp cú kinh.***

Đức hạnh được quý như là một bông hoa tươi đẹp, ưa nhìn và luôn được trân trọng. Thông thường ai cũng muốn mình đẹp, ai cũng muốn mình được cao sang và muốn được quý trọng, nhưng để làm cho mình đẹp và cao sang thì không phải dễ làm. Làm là điều quan trọng, làm điều lành thì luôn được kết quả tốt, thế nhưng việc ác vẫn làm, và không muốn dừng nghỉ.

Việc lành đôi khi như một bức tranh đẹp, chỉ để trang trí và ngắm nhìn, thường thì chỉ muốn nói, chứ ít muốn làm, giống như mang của cho người là điều dễ nói, nhưng đem cho thì không phải dễ mà còn phải tính toán hơn thua, được mất rất nhiều, như:

“Như thứ hoa đẹp, chỉ phô trương màu sắc mà chẳng có hương thơm, những người chỉ biết nói điều lành mà không làm điều lành thì chẳng đem lại lợi ích”.

Chúng ta có thể tạo ra được rất nhiều mùi hương từ nhiều chất liệu khác nhau. Chúng ta

cũng có thể tạo ra hương thơm từ những đồng bùn nhơ, hương đức hạnh cũng thế, chỉ cần “*một tâm lòng*” xuất phát từ trái tim và khối óc vị tha của mình, không phân biệt ô nhiễm hay ố trước.

Người có đức hạnh, biết làm đẹp cuộc đời dù đang sống trong một thế giới ô trước, nhưng có hành vi mang nhiều lợi ích cho số đông, vẫn sáng tỏ như vì sao trên trời cao. Hãy nối kết với nhau làm nhiều điều thiện, cũng thế những đóa hoa sẽ được kết nối thành một tràng hoa đẹp làm tươi sáng cuộc đời.

TƯỚNG LƯỠI RỘNG DÀI

Khi nghe một người khác nói điều gì đó, nhưng vẫn còn nghi ngờ không biết người đó nói có thật không? trong dân gian thường ví von rằng: “*Hãy le lưỡi liếm lỗ mũi xem thử có đụng mũi không?*”.

Điều đó thật không ngoa, mặc dầu chúng ta nghe tưởng như giỡn chơi. Tướng lưỡi rộng và dài, không phải ai cũng có, thật hiếm, chỉ có ở đại thánh nhân. Vì tướng lưỡi đó chứng minh cho chúng ta biết một điều, người đó đã từng nói thật và luôn nói đúng sự thật.

Tướng lưỡi rộng và dài là tướng thứ hai mươi bảy trong ba mươi hai tướng tốt của đức Phật. Hiểu điều này, chúng ta có thể đọc được từ kinh A Di Đà: “*Này Xá Lợi Phất! Nếu trong giây phút hiện tại, tôi đang ca ngợi sự lợi ích và công đức không thể nghĩ bàn của Bụt A-di-đà, thì tại phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương Thượng và phương Hạ, các Bụt đồng như số cát sông Hằng, vị nào cũng đang ngời tại quốc độ của mình, biểu lộ tướng lưỡi rộng dài của quý vị, bao trùm cả thế*

giới Tam thiên đại thiên, và thốt lên lời tuyên bố thành thật của mình: *Này toàn thể chúng sanh các cõi, quý vị hãy nên tin vào kinh này, kinh mà các Bụt trong vũ trụ đều đem hết lòng xưng tán và hộ niệm.*¹

Lưỡi để nếm vị, hương vị của thức ăn, lưỡi tác dụng với thức dẫn đến phân biệt được tính chất của hầu hết thức ăn, gọi là Vị cảnh. Tuy thế, cũng có chức năng để nói: “*Lưỡi không xương trăm đường lắt léo. “Đời” không vành, “đời” méo tứ tung*”. Ca dao Nghệ Tĩnh.

Tại sao chúng ta lại không có được tướng lưỡi rộng lớn như vậy, bởi vì lời nói của chúng ta luôn không thật: “*Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*”, chính vì để vừa lòng nhau, nhiều lạm dụng thì lời nói đó không bao giờ thật, chỉ mong đạt được mục đích là làm vừa lòng người, đôi khi việc làm đó không chân chánh, ý tưởng đó hàm chứa nhiều ác độc, hại người và không đưa người nghe đến một sự an toàn.

Cái quả những người bị khuyết tật nơi miệng, lưỡi, cằm, ngọng, v.v. đó là từ nhân của lời nói không đúng sự thật, nói thêu dệt trau chuốt những lời nói phù phiếm, nói ác độc hại người, nói đôi chiều. Lời nói mà luôn mang lại sự chia rẽ, tị

¹ Kinh Di Đà- Thích Nhất Hạnh giảng.

hiềm, ác ý, dẫn đến tan rã và chiến tranh, thì đó là những nhân tố không thể tạo nên một tướng lữ rộng dài. Ngược lại, lời nói chân thật, “*sự thật mát lòng*” làm cho người nghe vững vàng và đầy tin tưởng, dẫn đến sự an lạc và thăng hoa trong cuộc sống, đó là tướng lữ đáng quý trọng.

Cũng có rất nhiều bậc cao Tăng đã để lại xá lợi lữ, đó là kết quả của hạt giống nói lời chân thật và nói lời luôn mang lại lợi ích cho số đông. Xá lợi lữ của Ngài Cưu Ma La Thập một vị cao tăng Trung Hoa, tương truyền đã hơn 2000 năm, đã để lại và đặt trong tháp tôn thờ cho đến ngày nay. Ngài dịch nhiều kinh Phật nhất, nên có lời nguyện, nếu kinh Ngài dịch ra không sai chánh pháp thì khi lâm chung xin lưu lại chiếc lữ để làm chứng tích. Kết quả, Ngài được như ý.

Cao Tăng hiện đại của Việt Nam, đó là Thượng Tọa Thích Chơn Thanh, một vị giảng sư lỗi lạc tại Sài Gòn sau khi viên tịch, thân xác thiêu hủy nhưng xá lợi lữ vẫn còn y nguyên, lưu lại để trần thế tôn thờ, là một bài học vô giá, chúng ta hãy đọc những đoạn này: “*Vì hơn 20 năm, Thầy luôn dùng lữ này để truyền bá chánh pháp dẫn dắt người ta ra khỏi bến mê. Cũng lại dùng lữ này niệm lên hồng sanh A Di Đà Phật. Khuyến tấn mọi người niệm Phật, mau thoát khỏi cảnh khổ*”.

Tướng lưỡi rộng dài, như những bậc giác ngộ thì chưa viên mãn, nhưng để lưu lại xá lợi thì cao Tăng cũng có rất nhiều, đó là dấu hiệu của sự thành tựu viên mãn trong tương lai không xa, mà ai cũng có thể làm được. Hãy biết nói những lời có ích cho mình và cho người.

TÂM THÂN TỐT ĐẸP

Phạm trù đẹp để đi tìm một tiêu chuẩn thì có thể định hình được, nhưng cái đẹp thì thật là đa dạng và vô cùng phong phú. Người này thích màu đỏ, người kia thích màu hồng, người khác thích màu xanh, v.v. Người thì thích nét đẹp của Tây, người thì thích Á, Âu, Phi, Úc, đẹp dưới biển, trên rừng. Đẹp ở đâu, thời đại, xã hội nào, cũng quá nhiều cảm thụ khác nhau... Nhưng có một cái đẹp tất cả đều yêu thích, đó là đẹp ở tâm hồn.

Mặc dù người ở giai cấp, địa vị, quốc độ nào nếu có được tâm hồn rộng lớn vị tha, thì chắc chắn sẽ được các nơi xưng tụng. Do vậy, sâu sắc nhất của ông bà ta đã nói: *“Cái nét đánh chết cái đẹp”*. Cái nét chính là cái hương tỏa ngát từ tâm hồn, biểu lộ ra bên ngoài để thấy được cái phần *“thân”* của người đó.

Cái đẹp được tỏa ra từ tâm hồn, rất riêng, và không dễ định nghĩa, nhưng cũng rất là dễ thấy, bởi vì chúng đã hiển lộ dựa trên tấm thân này, và hiện ra hình dung tướng trạng, biểu lộ từ trái tim. Việc đầu tiên để nhận biết đó là có một tấm

thân tốt đẹp, một tâm hồn rộng lớn, và khuôn mặt phúc hậu.

Không phải ai cũng có được tấm thân tốt đẹp này, dù có muốn hay không muốn, có người sinh ra không đủ các căn, thiếu hụt mọi thứ, mặc dầu họ không hề mong muốn, ngược lại có người thì thật là trang nghiêm. Nhưng để chúng ta biến cái xấu thành cái đẹp thì có thể làm được.

Dưới sự hiểu biết theo lời Phật dạy, thì tấm thân này chuyển tải kết quả một dòng nghiệp thức có tác ý nhiều đời, chứ không phải trong một đời ngắn ngủi này. Là kết quả của sự tích tụ các phước đức và trí tuệ mà người đó tạo nên trong nhiều kiếp sống đã đi qua.

Đức Phật có đầy đủ thân tướng tốt đẹp và trí tuệ, được các loài xưng tán, chính là công đức của Ngài đã tích tụ từ lâu. Ngài đã vận dụng cái thân này để làm lợi ích cho chúng sanh, vận dụng cái trí này để mang an vui đến với mọi người. Tâm của Phật luôn tràn đầy từ bi và hỷ xả, không bao giờ sân hận và oán ghét, dù người đó có oán thù, hãm hại Ngài chẳng nữa. Trí của Phật luôn vận chuyển một thể bình đẳng không phân biệt thân sơ, chúng sanh khổ Ngài liền cứu giúp. Từ đó, kết quả là một sự thù thắng:

“Thân Phật thanh tịnh trong sáng giống như lưu ly

Giương mặt của Phật tròn trịa đầy đặn như vàng trắng sáng

Thân Phật thị hiện ở thế gian luôn luôn cứu khổ

Còn tâm Phật thì lúc nào cũng từ bi thường nghĩ đến thương tưởng cứu độ chúng sinh, không có hạn cuộc nơi chốn”.

Thông thường, đối diện với một người luôn mang tâm sân hận và chứa nhiều lòng ích kỷ, ganh tỵ, chán ghét, thì chúng ta cảm thấy sợ, dù người đó nhìn theo mắt phân biệt của thế gian thì rất đẹp. Ngược lại, đứng bên cạnh người có lòng bao dung và chứa đựng tâm hồn vị tha thì cảm giác ưa thích, sự an toàn vẫn hiện hữu. Tựa như người con, mẹ là người luôn đẹp và là chỗ dựa an toàn.

Cái đẹp này có thể tạo ra được, chúng được bắt đầu từ Thân, Khẩu và Ý. Nghĩa là thân không chuyên tải hành vi giết hại, trộm cắp, tà tâm. Lời nói luôn nói những điều thật, không ác độc, không lừa dối người, không nói đôi chiều. Tâm từ luôn hoan hỷ, không nóng giận, không tham lam và cuồng si. Làm được những điều lành này

mỗi ngày trong đời sống, chắc chắn rằng chúng ta có thể thay đổi được bản chất của sự xấu đẹp trong con người mình.

Hãy tận dụng tâm thân dù đẹp hay xấu này, bắt đầu từ bây giờ tạo ra nhiều phước đức. Và luôn nhớ rằng, được thân người là một sự thù thắng, hơn các loài chúng sanh khác trong các cõi luân hồi.

TỪ ĐIỂM VẬN HÀNH

Để đi tìm đâu là đầu mối nguyên nhân đầu tiên của một vấn đề, một phạm trù nào thì khó mà có thể truy tìm, bởi vì chúng không có sự khởi điểm và sự bắt đầu. Điểm khởi đầu chính là sự hội tụ các duyên, duyên đủ thì mọi việc thành, duyên chưa có thì mọi việc bất thành. Đó là nguyên lý nhân duyên hay trùng trùng duyên khởi của sự vận hành các pháp.

Pháp cảnh hiện hữu bởi sự vận hành và trung gian của thức ngang qua ý căn, chi phối mọi vấn đề trong vũ trụ nhân sinh, và phân biệt các pháp đen trắng theo ý thức mê lầm của con người. Ý căn chỉ là chỗ vận hành chứ chưa phải là nơi tác dụng, ý thức mới phân biệt: Pháp là cảnh của ý căn. Ý căn - Pháp cảnh và thức sinh ra vạn pháp sai biệt. Ví như, một em bé chưa có thể phân biệt được đúng sai, mặc dầu có nhận ra được tướng của các pháp, vì lúc này ý thức chưa đủ lớn mạnh, thành hình và chín muồi để nhận biết thật hư.

Khởi điểm vận hành của các pháp chính là sự tác dụng tương quan, nhân duyên của Căn - Cảnh và Trần.

Suy tư để biết thêm thân phận của chính mình và những gì xung quanh liên quan đời sống là điều hết sức cần thiết trong vạn loại, sum la vạn tượng này.

VẠN PHÁP BIẾN CHUYỂN

Tất cả các pháp đều do thức biến. Cũng từ sự gá gẫm và phụ thuộc vào ý thức và các Căn. Ý căn này có thuộc tính là suy tư- đo lường, như định giá, thẩm định, quyết đoán, đặt tên v.v. cho tất cả các pháp.

Thức đối với đôi mắt phàm phu thì không thể hiểu biết toàn diện được, đôi khi người ta gọi chúng là vô thức hay tiềm thức. Thật sự, ý căn hay thuật ngữ Duy thức học là Mạt na thức, thức thứ bảy trong tám thức, căn này chỉ mượn và gá gẫm các căn và thức khác để sanh phân biệt. Như là chúng chấp lấy “*Phân thấy*” của thức A lại Da hay thức thứ tám trong mỗi con người, mà sanh khởi.

Sự sinh khởi này không cho chuẩn, không có tính cách độc lập, thiếu căn cứ. Kiến Phần của thức thứ tám này là hiện tượng duyên sanh, Vô ngã. Cho nên sự thấy, sự chấp, cái ngã của thức này chấp vào chỉ là ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái, không hiện thực và đi ngược chân lý, tất cả vạn pháp giai không.

Sự chấp này, chúng vốn là ô nhiễm, nguyên nhân sinh ra mọi thứ phiền não, trói buộc, mọi sự

khổ sở của con người, xuất phát từ bản tính “Ngã chấp” này.

Tuy nhiên, để nhận ra “bộ mặt thật” của chúng xưa nay, thì con đường giác ngộ, đạt đến quả vị Diệt tận định, A la hán, đẳng Chánh giác là con đường soi sáng và có khả dĩ để thấy.

Người đi trong đêm thấy bóng trăng soi chiếu mập mờ trên đầu ngọn cây, cành lá đu đưa, tưởng chừng là ma đưa, bóng nhát. Nhìn dây leo quấn cuộn thì tưởng rắn bò ngang dọc, cái thấy sai lầm vào các pháp của Ngã là thế đó.

Vạn pháp biến chuyển trong sum la vạn tượng từ nơi Ngã này, cái ta và cái của ta chấp thủ hay buông bỏ cũng chính là chuẩn mực để nhận định đâu là phàm phu hay thánh nhân.

Con đường học đạo là con đường làm mới. Ngộ là sự thay đổi toàn diện ý thức, làm mới cái nhìn. Hay ẩn dụ hơn là người đi ngược dòng sông nước đang chảy thuận chiều. Sông này là sông ái dục, con đường của thế tục lặn hụp. Người đi ngược dòng sông này là người muốn thoát ly thế tục, đi trên con đường giác ngộ, xa lìa mong cầu, buông bỏ lòng ham muốn quá độ ô nhiễm của con người, để tịnh hóa thân tâm, trong vạn pháp biến chuyển.

THẾ GIỚI NÀY NẪM TRONG MỘT NHÀ KHO VĨ ĐẠI

Nói đến thế giới cho đầy đủ thì nói đến ba đời, quá khứ hiện tại và vị lai theo chiều dài thời gian, và nói không gian thì vô tận theo tám hướng mười phương. Nhưng, gọn lại thì đó là chỉ một nhà kho rộng lớn, vĩ đại. Dưới con mắt của bậc Giác ngộ thì tam thiên đại thiên thế giới, hay vô số thế giới cũng chỉ nằm trọn vẹn trong hạt cải. Danh từ Phật học chuyên môn gọi thế giới này là Tàng Thức, theo Duy thức học. Nhà kho chứa tất cả hạt giống (*tất cả pháp*), Nhứt thiết chủng.

Một cái kho rộng lớn chứa đựng tất cả, gìn giữ những cái cũ, bảo tồn cái hiện tại và phát triển những cái mới, đi trong một trật tự, ngăn nắp, đó là quy trình, một chuỗi dài nhân quả. Ví như, con người từ sinh ra cho đến khi lớn lên, trưởng thành, trong một thời gian nhất định, đó gọi là dị thời. Trong thời gian con người từ khi lọt lòng cho đến già- chết, theo một chu trình nhân quả, chúng thay đổi từ tâm tánh cho đến tướng trạng, đó là dị biến. Từ khi lọt lòng cho đến một chuỗi dài đời sống, thay đổi hoàn toàn đó nghĩa là dị loại.

Nhà kho vĩ đại của vạn pháp này, phạm phu khó có biết được, cắt nghĩa được, chỉ đến mức hạn tìm hiểu, nghiên cứu mơ màng. Các nhà tâm linh, khoa học có thể giải thích nhưng trong phạm vi kiến thức của mình, không thể nào hiểu hết nổi, một quy trình nhân quả trong đó, luôn chuyển đổi, biến dạng, tùy thuộc cảnh, căn v.v. Cho đến khi Giác ngộ phá tan lớp vỏ bao bọc, kiên cố của nhà kho này thì mới có thể hiểu nổi, đó là các bậc La hán và Phật.

Chúng ta không hiểu nổi, bởi vì, nhà kho vĩ đại này, không phải là một nhà kho chết nằm yên, bất động chỉ để chứa đồ theo cách hiểu thông thường. Các vật chứa trong đó, tạm gọi là chủng tử, chúng hằng chuyển mà chuyển, luôn biến chuyển không ngừng, như một dòng thác lớn. Một dòng thác từ xưa đến giờ, trải qua bao nhiêu kiếp sống nước vẫn chảy liên tục. Sự chảy liên tục này là chuyển, nhưng chuyển trong một thể cố định, gọi là hằng.

Cho dễ hiểu, có thể tạm gọi là cái kho chứa đựng tâm thức, nghiệp lực, chủng tử nhân quả, của vạn pháp, của con người chúng ta trong vô lượng kiếp sống. Chúng ta không thể hiểu nổi một đời người, một kiếp sống thì làm sao hiểu nổi nhiều đời, thế mới gọi là nhà kho vĩ đại, chứa chứ không thể tính toán và suy lường được số lượng.

Với kho tàng vĩ đại này, chúng ta chỉ đọc và suy nghiệm. Một ngày nào đó cũng phải bùng nổ. Nhà kho này cũng sẽ bị phá vỡ. Mở ra một phương trời mới, gọi là Đại viên cảnh trí.

TÀN MẠN NGÀY LỄ TÌNH YÊU

Tình yêu là một đề tài muôn thuở, dài vô tận, nói không hết, viết không rõ và hiểu cũng không thấu. Tình yêu là Ái theo Hán ngữ. Nói rộng là Ái dục. Lòng khát khao vô hạn.

Biết bao nhiêu tao nhân mặc khách đã lụy, sống, chết vì tình yêu. Đã biết bao nhiêu nhà tư tưởng hiểu, biết về tình yêu theo nhiều cách, mở rộng và thu hẹp. Các nhà văn, nhà thơ v.v. đã hết giấy mực cũng không thể nói rõ nguồn cội về tình yêu, có chăng chỉ hạn hẹp trong ngôn từ. Tình yêu cũng là đỉnh điểm để khơi nguồn cho sự sống còn, là suối nguồn cảm xúc cho mọi khía cạnh đời sống thăng hoa, mối tương quan phức tạp trong xã hội. Tình yêu cũng là vị ngọt, sự nguy hiểm, là vị đắng, là hạnh phúc cũng là đau khổ. Người già đi qua tình yêu thì nói khổ quá, người trẻ thì nói mệt mỏi, trẻ hơn thì khao khát, tìm cầu rồi thất vọng. Nói chung bức tranh tình yêu quá phức tạp, nhưng là một bức tranh nhiều người thưởng lãm nhất trên cuộc đời.

Tình yêu là sợi dây nối kết đời sống của con người và giữa các loài chúng sanh. Tình yêu chắm dứt coi như đời sống chắm dứt, khô cạn,

héo mòn và đôi khi đáng chán. Thế mới biết, bản chất của tình yêu mãnh liệt, và có sức hút vô cùng. Tình yêu rộng nghĩa, không phải chỉ đơn thuần là tình yêu nam nữ. Tình yêu gia đình, cha mẹ, bạn bè, thầy trò, nhân loại và cả Thượng đế. Do vậy *“Love is God”*.

Thâm sâu hơn có thể nói, tình yêu còn được định nghĩa trong tôn giáo. Tình yêu rộng hơn là lòng Bác ái. Rộng và sâu hơn nữa là Từ bi, nghĩa là tình yêu có trí tuệ, tình yêu luôn mang hạnh phúc, bình an đến cho người khác. Bởi vì, tình yêu trong tôn giáo hướng con người đến tình yêu vị tha, không giới hạn, cho nên đã nói: *“Người nào có một tình yêu thì có một đau khổ, có hai tình yêu thì có hai đau khổ, có ba tình yêu thì có ba đau khổ, có một trăm tình yêu thì có một trăm đau khổ, không có tình yêu nào thì không có đau khổ nào hết”*, nghĩa là không có tình yêu nào hết là tình yêu không nắm giữ.

Tại sao yêu là khổ? Vì tình yêu dựa trên lòng tham đắm, ích kỷ, tâm hạn hẹp, ta và cái của ta v.v. Tình yêu tạm gọi là đẹp, là tình yêu có người đã nói: *“Khi ước mơ và niềm vui của người khác chính là hạnh phúc của mình, đó chính là tình yêu đẹp nhất”*.

Nhưng để tình yêu không gieo mầm đau khổ

là tình yêu vị tha, tình yêu có trí tuệ: Tình thương có khả năng đem lại niềm vui, lòng yêu thương có khả năng vui bớt nỗi khổ cho người khác.

Làm sao nói hết được tình yêu, chúng ta hãy đọc câu ngạn ngữ để cùng nhau suy ngẫm, con đường mà cõi nhân thế không ai là người không bước qua: *“Bản chất của tình yêu là sự thánh thiện và thanh bình. Ở đó, tâm hồn, lý trí, lương tâm và thể xác đều được bình an”*.

ĐỂ CÓ MỘT THẾ GIỚI SÁNG TRÔNG

Anh sáng của trăng vào đêm rằm có thể nói là tròn đầy và rực sáng, thể của ánh sáng thì luôn mang tính tỏa chiếu không bao giờ mất, mây đen kéo đi thì ánh sáng hiển lộ, tương của ánh sáng thì tùy theo hoạt dụng của hoàn cảnh, tựa như vào đêm đông thì ánh sáng đó giảm thiểu, đôi khi trăng không còn là trăng không tương.

Tâm của chúng ta cũng thế, nó là một thể sáng suốt, trong vắt như lưu ly, bình đẳng không sai biệt từ thuở uyên nguyên. Tuy nhiên, vì nhân duyên, hoàn cảnh, y báo và chánh báo của mỗi người, mỗi thân phận mà ánh sáng tâm đó bị lu mờ, bị nhiễm ô và rồi tắt dần trong cõi đen tối.

Ước mơ về một thế giới sáng trong, đó là hoài vọng chung của các loài, của cộng đồng người trên toàn thế giới, một ước mơ duy nhất và một sở hữu khao khát, sống chết của kiếp nhân sinh. Sống để làm gì? Phải chăng để mưu cầu hạnh phúc. Con người có thể làm tất cả để có được hạnh phúc, dù đó là hạnh phúc trong mộng và thực.

Đức Phật ra đời vì chúng sanh, đối tượng để đức Phật xuất hiện chính là chúng sanh đang đau

khô trầm luân. Do vậy, hạnh nguyện của đức Phật chính là ước mơ của chúng sanh. Đức Phật Dược Sư đã có lời nguyện: ***“Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ đề, thân ta như lưu ly, trong ngoài sáng suốt, tịnh vô hà uế, quang minh quảng đại, công đức cao lớn, thân thiện an trú diệm lưới trang nghiêm, sáng hơn nhật nguyệt, u minh chúng sanh đều gặp khai hiểu, tùy tâm sở thú, làm mọi sự nghiệp”*** (Nguyện Thứ hai).

Đức Phật có được chánh báo một thân tướng sáng như lưu ly, một thể giới trong ngoài trong suốt không bọt nhờn, tì vết, chính là y báo trang nghiêm. Đây là một quá trình đã soi chiếu tự tâm, giữ cho tâm mình không cấu uế, bên ngoài thì làm lợi ích chúng sanh không mệt mỏi, không phân biệt, không bị cấu nhiễm, chẳng mong cầu. Đó là kết quả, của tâm trong sáng, đơn giản đời sống vì hạnh phúc cho mình và cho tha nhân.

Chúng sanh không có được thân tướng trong ngoài sáng như thế, không có được một môi trường sống yên ổn, đầy uế trược. Bởi do xuất phát từ tâm sai biệt, tâm phàm phu đi ngược lại với tâm Phật. Tâm luôn phân biệt, hơn thua, tính toán, lợi mình và hại người, lợi mình không lợi người, tâm luôn nghĩ về mình, đó là bóng tối, là bóng đêm, là mây phủ của bản thể tâm trong sáng này.

Làm sao có được một môi trường sống trong sạch khi con người không biết làm sạch ngay những hành vi sống chết của mình. Làm sao có được một thế giới yên ổn, khi con người còn đem quá nhiều tâm thức tranh chấp, giành giật, và hơn thua để ứng xử với nhau.

Đâu cũng là kết quả, đâu cũng là nhân duyên. Có tâm trong sáng thì có thế giới trong sáng, khi tâm còn nhiễm ô mà đi mong cầu thế giới trong sáng thì điều này không bao giờ xảy ra. Người luôn sống trong một tâm thức bận rộn, lo lắng, xáo trộn, và bất an thì không bao giờ có được một môi trường sống tốt, và hoàn cảnh thuận lợi.

Đức Phật Dược sư phát khởi hạnh nguyện của mình, là để có được một thân tướng trang nghiêm, sáng hơn mặt trời mặt trăng và không bị cắt đoạn bởi một đám mây mù nào, chính là hiện tướng tự tại thông dong đi giữa cuộc đời.

Ngài đã hiện ứng thân nhắc nhở cho tất cả chúng sanh biết rằng, muốn có một thân tướng thanh tịnh không cấu nhiễm, một thế giới trong sáng thì bắt đầu hãy trở về tự tâm để sống một đời sống thật trong sáng và luôn nghĩ đến người khác, và môi trường sống của mình. Đó là, ý nghĩa cầu gì được nấy, và tùy theo sở nguyện mà thành công trong đời sống hiện tại.

XUÂN TÀN MÀ HÒA VẤN THỂ

Trong thế giới phân biệt, xuân tàn, xuân đến, xuân đi, xuân về. Hoa rụng, hoa nở, hoa tươi và hoa đượm sắc màu. Đó là cảnh vật lưu chuyển theo dòng tâm thức của con người.

Đặt tên cho sự thay đổi này là sự vô thường của vạn pháp. Sự vô thường luôn có mặt trong tiềm thức của mỗi chúng sanh, từ khi các pháp nội tại không có một tánh cách thật. Có chăng, chính là sự vay mượn. Cái này mượn cái kia để mà có, cái kia duyên cái nọ để hình thành. Chính sự vay mượn đó là thật là bản chất thật của vạn pháp.

Bản chất của vạn pháp đó là Thị thường là sự thường hằng bất biến dưới con mắt của tuệ giác, cảnh vật cũng thế, mùa màng cũng thế tự xưa nay vẫn như thế, không hề sai biệt khi tâm của một chúng sanh bất động trước sự lưu chuyển của vạn vật.

Mùa xuân đến, lòng người rộn rã vào náo nức vô hạn, kẻ đây lo toan và người nhiều ước vọng, bởi lẽ tâm thức của chúng ta đã giao phó cho vạn cảnh chi phối. Vượt qua và trở lại trạng thái ban

đầu đó là một mùa xuân đi qua, coi như không còn gì hết, cũng bao nhiêu vội vã và bôn ba trong cuộc sống thường nhật, chém cơm manh áo, bao nhiêu ân tình, vô vàn khao khát dồn dập đến, để nắm chặt sinh tồn, khía cạnh thường hằng nằm ở ngay đây. Chỉ một điểm này thôi, nếu Ngô được chúng, thì có khả năng thấy lại con người thật của chính mình và không còn phải bị thôi thúc bởi lục đục trần lao.

Nghe như vậy, biết rằng tướng của thế giới vạn pháp này là dòng chảy vô thường, nhưng thể của chúng là một sự thường hằng không biến, dụng của chúng là vô lượng phương tiện cách sống, để hòa nhịp trong đời sống thế gian.

Vậy mới biết rằng: “... *Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết. Đêm qua sân trước một cành mai.*”. Vô thường thị thường là thế đó. Chúng ta hãy suy ngẫm, ngoài kia hoa vẫn nở, dù mùa xuân đã đi qua.

CƠN ĐƯỜNG DỄ NHƯNG KHÓ VƯỢT

Mưa vẫn rơi dữ dội suốt hai đêm qua không có thời gian ngừng nghỉ. Trung tâm dự báo thời tiết cho biết, sẽ tiếp tục đến chiều tối ngày hôm nay. Bầu trời âm u, ẩm ướt và tiết lạnh lan tỏa khắp nơi, lá cây rơi rụng xơ xác. Cứ để mặc nhiên dòng suy nghĩ trôi chảy, không cần giải thích khoa học, thử hỏi không biết nước từ đâu rơi xuống, từ trên đầu của chúng ta rơi xuống, rơi suốt, nhiều quá.

Nước cũng phải tìm cho mình lối thoát, có bàn tay của con người trợ giúp, nước chảy dồn về những nơi thấp, hết dòng nước này đến dòng khác, nối tiếp nhau thành một dòng lũ, làm ứ đọng, tràn ngập nhiều nơi, cản trở giao thông. Tuy vậy, nhiều người lái xe cũng can đảm, cố gắng chạy vượt qua, đi tắt đường, nói chung liều mạng. Bởi vì, con đường nhìn thấy trước mắt vượt qua quá dễ, nhưng thật sự thì khó vượt, nước ngập tắt máy, bít lối, chặn đường khắp nơi.

Dòng tâm thức của chúng ta cũng thế, liên tục tuôn trào không ngừng nghỉ, tựa như thác đổ, như

lũ cuốn, như mưa dầm xuyên suốt ngày đêm, như sóng vỗ ập vào bờ lúc cao, lúc thấp, lúc mạnh mẽ, lúc nhẹ nhàng, lúc âm ỉ. Khó có thể kiểm soát, khó có thể theo dõi, và khó có thể vượt qua.

Tụng một thời kinh ngắn trong ngày, ngồi thiền vài mươi phút buổi sáng tối, để lắng đọng tâm tư, lay Phật, làm những điều lành, những điều có lợi ích cho đời sống, cho tha nhân, chuyện tưởng như nhỏ nhưng thật là khó làm.

Kèm chế cảm xúc để nhìn nhận các pháp như thật của chúng đang hiện hữu, đang xảy ra. Kiểm soát suy nghĩ để không làm thương tổn đến người khác. Chiến thắng những ham muốn để không đi vào trong những ngõ đường tăm tối, chật hẹp, nhận biết những khát khao luôn tuôn trào trong tâm thức, chuyện tưởng như nhỏ, nhưng khó có thể vượt qua.

Nhưng không phải là không thể vượt qua được, cũng giống như những ngõ đường mưa gió, bão tố, lũ lụt tràn ngập vẫn có nhiều người vượt qua bến bờ, đi đến điểm đến. Bởi vì, họ khôn khéo, có phương tiện, có ý chí, có sáng suốt, có sự lựa chọn và quyết định hợp lý.

Phương tiện để vượt qua những tâm thức tối tăm đó là trí tuệ, con đường của tuệ giác và sự tỉnh thức,

cần thiết trong mỗi lúc. Biết lúc nào cần làm và lúc nào không nên làm cho một hành động kế tiếp.

Ý chí, sự kiên định cũng là phương tiện để quyết định mọi thành tựu trong đời sống. Thiếu ý chí, kiên định thì không thể vượt qua những con đường hẹp, những nẻo đường tăm tối và đầy chông gai trước mắt.

Nhẫn nại và tình thương vô hạn, biết thương mình, bảo vệ tha nhân cũng là những phương tiện chính yếu để có thể thực hiện được mọi ước mơ, và thành tựu các pháp lành. Có như thế, đường dễ vượt qua không khó. Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận (?- 850) đã từng nói với người học đạo:

***Học Đạo Do Như Thủ Cẩm Thành
Khẩn Bả Thành Đầu Chiến Nhất Thường
Bất Thụ Nhất Phiên Hàn Triệu Cốt
Châm Đắc Mai Hoa Phác Tử Hương.***

(Trần Tuấn Mẫn dịch)

*Vượt khỏi trần lao việc chẳng thường
Đầu dây nắm chặt giữ lập trường
Chẳng phải một phen sương lạnh buốt
Hoa mai đâu dễ ngát mùi hương.*

CÙNG SỐNG TRÔNG Ô NHIỄM

Người sống có tỉnh thức là người biết được bản chất thật của môi trường mình đang sống, và từ đó tùy theo duyên mà ứng hiện, và tùy thuận để phù hợp với hoàn cảnh, cho dù trong hoàn cảnh nào, vẫn giữ được thể cách, lý tưởng sống.

Lý tưởng sống của người tỉnh thức là lấy sự cứu độ chính mình và mọi người sống chung quanh với mình, phải thoát khỏi được khổ đau và kiến tạo được hạnh phúc, dù đó chỉ là hạnh phúc tạm thời hay khổ đau cùng cực, diễn ra trong một thế giới ô nhiễm cực kỳ.

Tâm nguyện sống của người tỉnh thức là nghĩ đến sự cải tạo một môi trường sống từ ô nhiễm đến trong sạch, tạo cho được sự an vui trong đó, nhưng không bao giờ khởi tâm chạy trốn hoặc xa lánh.

Hạnh nguyện sống của người tỉnh thức là sự siêng năng không gián đoạn để kiến tạo một thế giới an lành. Đây là những bước đi vô cùng khó khăn cho những ai cất bước trên lộ trình Bồ tát đạo, con đường này đòi hỏi cần có một nghị lực lớn mạnh và một tâm nguyện phi thường.

Đức Phật đã từng nói nhiều trong kinh, thế giới của chúng ta đang sống là thế giới của ô nhiễm (*uế trước*), có đầy rẫy sự phiền não và ác nghiệp, mà hiện nay chúng ta đang sống chung và phải đối diện.

Thế giới hôm nay, được loài người luôn quan tâm, chúng ta thấy dù trong một bàn tròn hội nghị nào, và đã có bao nhiêu nghị sự từ cấp quốc gia đến quốc tế, vấn đề ô nhiễm từ tâm và cảnh đang lan rộng trong đời sống nhiều mặt, đang đe dọa con người khủng khiếp, luôn được khuyến cáo và cố tìm nhiều giải pháp cứu chữa.

Đó là một sự thật hiển bày trong thời điểm này, và cũng là minh chứng hoạn nạn của con người trong một tương lai không xa, nếu chúng ta không ý thức và tỉnh thức để nhận ra, và tìm giải pháp hạn chế sự uế trước ngay bây giờ.

Sự ô nhiễm của một thế giới vật thể (*chánh báo*) không thể tách rời sự cấu nhiễm của thế giới ý thức (*y báo*). Không ai có thể phủ nhận được giữa tâm và ngoại cảnh là hai thế giới tách biệt có hỗ tương với nhau chằng chịt, dù người đó đang và đã xiển dương một chủ thuyết nào.

Ở đây, thế giới cho chúng ta biết rằng, sự tương quan mật thiết và lý thuyết nhân quả đồng

dị là những cấu trúc tạo nên thế giới này. Để có được một thế giới tươi sáng, trong lành thì nhân tâm của nó phải được gạn lọc. Một hành động ô nhiễm thì chính là biểu hiện của ý thức ô nhiễm, khi ý thức bị ô nhiễm thì không thể có được thế giới trong sạch.

Đối với một người sống tỉnh thức, chắc chắn họ biết rằng họ đang sống trong một cõi đời đầy ô nhiễm, hùng hực phiền não, sống trong một ngôi nhà lửa mà mọi thứ đang bị thiêu rụi. Tuy nhiên, người tỉnh thức không bao giờ nghĩ rằng sẽ rời bỏ chúng, bởi vì sự trong sạch có mặt ngay trong môi trường ô nhiễm này, thoát khỏi phiền não thì phải thoát khỏi những trói buộc của nó.

Không có sự giác ngộ nào ngoài thế giới vô minh, và chìm đắm. Đạo lý giác ngộ đã từng khẳng định minh chứng rằng, không thể tìm sự giác ngộ ở đâu ngoài thế giới uế trược này, nghĩa của ý Phật pháp không rời thế gian mà có thế giác ngộ.

Hạnh nguyện của người tỉnh thức là cứu độ chúng sanh vượt thoát khỏi những mê lầm, khổ ải không mệt mỏi. Vấn đề ô nhiễm môi trường trong nhiều mặt từ tâm hành và ngoại cảnh của đời sống chính là bản chất phiền não và khổ đau

của cuộc đời. Thế thì, hạnh phúc phải bắt đầu tìm kiếm từ đây.

Vậy, làm sao để người tỉnh thức có thể sống chung với mọi thứ ô nhiễm này mà vẫn an nhiên hoan hỷ, vui lòng cùng sống. Phải nói rằng, ô nhiễm hay thanh tịnh bắt đầu từ nguồn tâm. Người có tâm vọng động, luôn xáo trộn và thích hợp sự ồn ào, dù có ẩn sâu trong núi cao tĩnh mịch, hay trong am cốc một mình thì tâm của họ vẫn xáo trộn, và muôn ngàn ức niệm của quá khứ trôi dạt, khiến họ luôn nao động, cho đến nỗi sợ hãi và buồn chán.

Người tâm được yên tĩnh, dù đi vào trong chợ xá, nơi náo thị thì họ vẫn giữ được tâm luôn bình tĩnh an trú và phát nguồn an lạc. Nơi đây, cho chúng ta thấy lối sống tỉnh thức, và tâm luôn an trú trong niệm giác chính là điều kiện căn bản. Chỉ khi nào tâm được an tĩnh, chúng ta mới thấy được rõ ràng mọi pháp biến chuyển, đi ngang qua tầm nhìn. Và thấy được tính chất trong sạch hay ô nhiễm của các pháp để có được phương cách chính xác giải quyết sự chung đụng của cấu uế này.

Hơn thế nữa, sự vượt thoát ra khỏi những u tối cuộc đời chính là quy trình con đường người tỉnh thức đi tới. Có đối diện với sự ồn ào thì

chúng ta mới biết rằng khả năng hòa nhập của chúng ta thế nào.

Cũng vậy, có sống trong sự yên tĩnh, vắng vẻ, mới biết rằng sự tu tập của chúng ta đạt đến mức độ nào. Có rất nhiều người, sợ, vô cùng sợ hãi và chán ngán sự vắng vẻ, sợ một mình và sợ không có người tới lui hàn huyên.

Thế mới biết khả năng chịu đựng và khả năng thích nghi vào hoàn cảnh của chúng ta đạt đến mức độ nào? Theo lý đạo, người biết cách để phù hợp, để uyển chuyển, tùy thuận với mọi phương tiện sống, là người biết đi trên lộ trình giải thoát.

Đôi khi chúng ta thấy, có nhiều người sống được trong hoàn cảnh cầu ứ, nhưng đó không phải là người tỉnh thức. Bởi vì họ đã trở thành cầu ứ và không nhận ra được đó là sự ô nhiễm và cầu bản, vì tâm và thân chấp nhận nơi đó.

Ngược lại, người tỉnh thức dù sống trong ô nhiễm nhưng thân và tâm của họ đã thoát tục. Sự giải thoát này chính là nghĩa của thoát khỏi khổ đau. Thoát khỏi khổ đau từ chính mình và hoàn cảnh mang tới, chính là lối sống của người tỉnh thức dù đang ở trong một địa vị và giai tầng nào.

Thế mới biết rằng, Bồ tát luôn có mặt giữa trần gian này, chứ không ở đâu xa nhưng rất nhiều người của chúng ta không bao giờ thấy biết, vì chính tâm hành của các vị Bồ tát này đã vượt trên tất cả và thoát ly hoàn toàn.

CHỈ SỐNG ĐƯỢC THỜI CŨNG ĐÃ CHIẾN THẮNG RỒI¹

Câu nói này, ban đầu chỉ đơn thuần là lời khuyên của một người chỉ huy chiến trường, đầy kinh nghiệm nhà binh, trận địa, đến một nữ quân nhân non trẻ, người chuẩn bị quyết định dấn thân vào con đường mà phía trước vô cùng hiểm nguy, sự chết chỉ trong sợi tơ kẽ tóc, kết quả muốn tìm thì hầu như vô vọng.

Đường đi của thiếu phụ đó, chuẩn bị bước vào cõi chết nhiều hơn sống, phía trước là núi cao trùng điệp, mây trắng là nhà, sương lạnh là gối chăn, súc vật là bạn lữ, tiền lộ hết sức lan man.

Người thiếu phụ ấy, chỉ có một tình yêu chứa chan đậm sắc hương tình, lòng chung thủy sâu đậm, và một niềm tin sắc bén đi tìm kiếm sự thật, để rồi chân lý được khám phá, sự thật được phơi bày, trên vai chiếc ba lô nhỏ, đã trở thành **Lời kinh ban mai** được vang vọng liên tục trong đời sống.

¹ Tựa đề được trích từ lời khuyên của Vương Lượng đến với Thư Văn trong tác phẩm **Thiên Táng** của Hân Nhiên do Nhà xuất bản Văn học liên kết với Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam ấn hành, 2009.

Bất kể thời gian và không gian, như hơi thở sống còn và đã là một lời kết có hậu. Rằng, chỉ có niềm tin sâu sắc của con người, đủ khả năng để viết lên một bản tình ca và một cuộc hành trình vĩ đại, làm chấn động và ám ảnh trí óc người đọc: “Án ma ni bát di hồng”.

Đúng! Chỉ sống được thôi cũng đã là chiến thắng rồi. Đó là khát vọng muôn thuở của con người, không riêng ai, của bao loài chúng sanh, một ước vọng và tiếng nói lớn, cuối cùng, nền tảng chung cho các loài. Con người sinh ra để sống, mưu cầu sự sống, ham sống và sợ chết, sống đẹp, và sống có ích.

Sự sống con người vô cùng cao quý, gìn giữ được sự sống vẹn toàn đó chính là nỗi khát khao vô tận. Hơn thế nữa, người biết sống với tình yêu, niềm tin, lý tưởng, và dám sống với mong đợi to lớn của chính mình. Còn bao nhiêu thứ khác không có một ý nghĩa gì trên thân phận kiếp người, không phải dễ tìm ở thế gian này, thế mới biết đó là một con người phi thường.

Chuyện kể rằng, Thư Văn một cô gái nhỏ bé, có mái tóc còn xanh chưa kịp chải gọn, đã đơn độc bước vào tử lộ một cách chai lì và quả quyết ban đầu chỉ bằng một tình yêu son sắt, thủy chung với người chồng mới cưới mà thời gian thì chưa

đu thắm mật ngọt tình yêu và sưởi ấm gôi hồng. Thư Văn có khát khao vô hạn, niềm tin sâu sắc và lý trí mạnh mẽ với lòng quyết đoán, bất khả phân ly được gói gọn như một tín điều, như một người sùng đạo: ***“Tôi không để anh ấy ở Tây Tạng, trợ trợ một mình”***.

Đời sống của hai tâm hồn hòa nhịp một cách đồng điệu, khi thật sự hòa quyện vào nhau, thì chính lúc ấy là một, dám cho và nhận tất cả mọi thứ tốt và xấu. Một nửa này mất đi nửa kia sống thiếu ý nghĩa, khác hẳn với suy nghĩ tầm thường, cái này mất cái kia sẽ còn, và đó cũng chính là sự thôi thúc để con người đi đến một quyết định, mà đôi khi nghĩ đến rất cực đoan và bảo thủ ***“chắc chắn chồng tôi còn sống”***.

Một sự thật không thể chấp nhận những gì chỉ với mắt chưa thấy, tai chỉ nghe, trong cái thời buổi loạn lạc, tất cả thông tin có được chỉ là chấp vá. Không thể chấp nhận một sự bẽ bàng, cái gì hiện ra trước mắt, dù nó là thật, nhưng không hề chấp nhận sự thật trong cõi phù du, tạm mượn, đó là một bi kịch lớn của kiếp người, ***“sự thật luôn khó nắm bắt bởi vì con người không bao giờ có thể khôi phục quá khứ y như nó đã xảy ra”***.

Kể rằng, Thư Văn cứ dần thân, bất kể thời gian, cứ để thời gian trôi, không biết phía trước

nơi đâu là điểm đến, đâu là đường quay về. Và như vậy, thời gian mỗi ngày cứ thế mà chòng chát, rồi một ngày nhìn lại gương soi, tóc bạc đã điểm trên đầu, làn da trở nên rám nắng, hòa với núi rừng, thời tiết khắc nghiệt.

Bao nhiêu tình cảnh dở khóc, dở chết cũng đã xảy ra, trên con đường vô cùng nguy hiểm, cô độc và vô vọng, bao nhiêu lớp người biết qua đường đã nằm xuống, nhiều mầm sống khác trưởng thành, thế mà niềm tin ấy không mất, sự tìm kiếm ấy vẫn không bỏ cuộc, nỗi khát khao và hy vọng vẫn sáng trong như ngày nào. Chờ đợi, một sự mâu nhiệm nào xảy ra chăng? Điều mà từ xưa nay lý trí và sự hiểu biết của con người không thể hiểu được.

Đẻ rồi một ngày, tâm đạo của Thu Văn vững chãi như là thói quen, biến thành nếp nghĩ, trong con người nông đại, đã chai lì với nắng gió, sương khuya. Đẻ rồi, bản gốc con người nguyên thủy cũng dần dà biến mất, lột xác trở thành một con người mới theo phong thổ, tập quán mà trải qua bao nhiêu năm, thấm dần.

Một cô gái Trung Hoa ngày nào, bỗng chốc cuốn theo thời gian, bây giờ đã trở thành một phụ nữ lấm sương Tây Tạng. Văn Thu, đã nhẹ nhàng viết chèn thêm vào cuốn nhật ký dày đặc

chữ nghĩa của mình: ***“Quân ơi, hôm nay em lại nhìn thấy chữ Hán. Chắc hẳn đây là dấu hiệu của anh gửi cho em rồi. Chồng yêu dấu của em ơi, đêm nay xin hãy cho em biết trong mơ rằng, anh đang ở đâu”***.

Bao nhiêu năm sống và hòa quyện trong hơi thở và sức sống của cao nguyên, phong thổ, tập quán con người Tây Tạng, để rồi học được điều mà ít người học được từ những lời dạy minh triết: *“Bầu trời có thể thay đổi, con người ta có thể thay đổi, bò cừu, hoa cỏ có thể thay đổi, song những ngọn núi thiêng thì không. Nếu các vị để thông điệp lại trên mười ba ngọn núi thiêng, những ai biết về Zhuoma sẽ tìm thấy chúng. Sự sống khởi nguồn ở tự nhiên và quay về với tự nhiên”*.

Những lời dạy đạo lý này, đã tiếp tục khơi nguồn niềm tin, thêm dầu cho ngọn lửa vẫn còn đang hừng hực trong trái tim sắt đá của người thiếu phụ, bởi một cuộc tìm kiếm vĩ đại. Tựa như, niềm tin và ý chí con người đi tìm hạnh phúc giữa trần gian, không bao giờ mất dù trải qua bao nhiêu kiếp sống.

Con người, sống trong bình an mỗi ngày cũng đã hạnh phúc rồi, đâu cần phải chiến thắng. Thế nhưng, con người luôn mang tâm hướng chiếm hữu, được mất, nên có đấu tranh. Sự chiến thắng,

như một ước ao lớn, chỉ là chiến thắng về cái gì đó bên ngoài, coi như là một sự thỏa mãn, kết quả phải xảy ra trong tâm lý hơn thua.

Nhưng con người có hiểu rằng, chiến thắng nào mới là vinh quang và cần thiết? Chiến thắng chính mình, chiến thắng với dục tình, nổi đam mê, sự ham muốn, lòng khát khao và cái tôi to lớn, đã đưa chúng ta đến đọa đày, đó mới là chính nghĩa của sự đấu tranh, ngoài ra chẳng có sự tranh đấu nào là chính nghĩa và cao thượng. Người chiến thắng được chính mình mới là chiến công oanh liệt, được cộng đồng người ca tụng, và được vô số các loài khác tán dương.

Hạnh phúc và bình an vốn có sẵn trong mỗi con người, nhưng chính con người tạo ra sự bất an, một cách vô tư, nhiều lúc non dại, không hề hay biết. Tựa như một vị thánh rời khỏi ngôi đền của mình thì vẻ thiêng liêng của Ngài cũng sẽ bị lu mờ.

Đó là sự bất an, sẽ không có hạnh phúc, khi con người lựa chọn những điều không thuộc về họ. Cái thuộc về chúng ta đó là sự bình an trong tâm hồn, hiểu được như vậy thì hành vi mới có khởi dẫn, đi có con đường đến, sống biết điều gì sẽ xảy ra.

Án Ma Ni Bát Nhi Hồng.

MỆNH MÔNG HỌC LÀM THÁNH

Con đường học làm Thánh thật hết sức chông gai và tràn đầy nguy hiểm, nếu không biết suy nghiệm và trầm tư sâu thẳm, tự quyết lấy mình. Chông gai bởi nhiều điều, trước mắt chúng ta thấy người học đạo thì nhiều mà kẻ tới đích thì không mấy người.

Nguy hiểm, vì phải đánh đổi cả cuộc đời mình nhưng kết quả thì chưa chắc đã được bao nhiêu. Tuy nhiên một điểm cần phải ghi nhận, và chắc chắn rằng, con đường đó có thể đạt được, bất cứ ai nếu gắng công và phát tâm đồng mãnh.

Con đường học làm Thánh trải đầy hoa lá và gai góc, đích đến nằm sẵn trong tay nhưng cũng rất dễ dàng vụt mất, bởi lẽ người đi trên con đường này phải thường trực tỉnh giác, lúc nào cũng nung nấu và sẵn sàng chiến đấu với cường độ cao, mà kẻ thù chính là những tàn dư, uế trước đang ẩn náu cả bên trong và bên ngoài, thân tâm của chính mình.

Con đường học làm Thánh không cần phải đầu tư của cải vật chất, chỉ cần biết khai thác triệt để tài sản tự tâm sẵn có một cách tự nhiên của chính

mình, đó là nghị lực, trí tuệ, sự kiên nhẫn và lòng bi mẫn.

Con đường học làm Thánh, kết quả không phải để làm giàu và phong phú tài nguyên, cũng không phải thu gom những vật thể có thể thấy và nắm bắt được, mà chính là phẩm chất của tâm và hành vi mong muốn mang nhiều lợi lạc cho kẻ khác, làm lợi ích cho tha nhân.

Điều mà người học làm Thánh gặt hái được qua nhiều thời gian khổ công, chính là niềm vui và sự thanh thản của tâm hồn thông qua con đường phục vụ ngay thế giới đang sống.

Có rất nhiều câu chuyện từ Đông sang Tây, xưa nay cho chúng ta những bài học làm Thánh quý giá, cần phải chiêm nghiệm. Có thể nói, hay và thông dụng với người học trong nhà Thiền, đó là câu chuyện của thi sĩ lừng danh đời nhà Tống, Tô Đông Pha một Phật tử mộ đạo, là người bạn thân chí cốt của thiền sư Phật ấn, một thiền sư lỗi lạc lúc bấy giờ. Thiền tự của ngài Phật Ấn nằm ở bờ phía Tây sông Dương tử, nhà Tô Đông Pha ở bên bờ phía Đông.

Một hôm thi sĩ đến thăm thiền sư, nhưng thiền sư đi vắng, thi sĩ đợi hoài không thấy về, chán ngẫm vào thư phòng, nguech ngoạc trên tờ

giấy: “*Tô Đông Pha một Phật tử vĩ đại cho dù tám ngọn gió thổi cũng chẳng động được*” rồi bỏ đi về. Khi Phật Ấn trở về thấy bản văn của Tô Đông Pha, trong đó có hàng chữ cuối sư đọc rồi viết thêm: “*Nhảm nhĩ! Những gì nhà ông vừa nói chả hơn gì phát rắm!*” và gửi lại cho Tô Đông Pha.

Thi sĩ đọc lời lăng mạ đó, nổi trận lôi đình, dùng thuyền sang sông, vội đến thiền viện. Nắm lấy tay Phật Ấn, ông găm: “*Thầy có quyền gì mà thóa mạ tôi bằng lời lẽ như thế? Tôi là một Phật tử mộ đạo, chỉ để tâm đến đạo, không lẽ thầy mù quáng đến thế*”. Phật Ấn lặng lẽ nhìn ông một vài giây, mỉm cười chậm rãi nói: “*Tô Đông Pha một Phật tử vĩ đại nói rằng tám ngọn gió thổi cũng khó mà động được ông một tác, thế mà giờ đây chỉ một phát rắm, cũng thổi ông qua tận bên này sông*”.

Vâng, nói lời Thánh thì quá dễ, ai cũng nói được. Nhưng tâm hành thực như Thánh thì không dễ chút nào. Đó là bệnh căn nguyên của chúng sanh đang còn lạc trong các nẻo đường sanh tử, cần phải cẩn thận. Ví như, những chuyện nhỏ như giận, hờn, thương ghét... thường ngày.

Thế mà chúng ta đã nhiều năm tu học, tụng kinh bài sám, nghe pháp khắp nơi một cách nhiệt

huyết. Nhưng nghe thì như điên, thuộc lòng nói lại như vẹt toàn là những lời thánh ngữ, vậy mà chỉ cần một lời nói trái ý, trái tai và không thỏa mãn cho cái tôi của mình thì tâm đã nổi sóng ba đào, giận hờn đủ kiểu, thề chết mang theo sống không buông được, và cứ thế khuất mắt lẫn nhau, tạo thêm oán thù.

Cũng có hạng người luôn ảo tưởng cho mình là thánh, khi được một số người thân cận tôn vinh, tán thưởng. Tưởng rằng học nhiều biết rộng, chuyện gì cũng biết, thao thao bất tuyệt, khinh suất đủ điều, tự mãn cho mọi việc là chuyện nhỏ, không gì là không làm được, thế là đủ để xem thường mọi việc, hạ mực vô non.

Nhưng thật sự, Thánh đâu phải thế, trước khi trở thành một vị Thánh sáng rực giữa bầu trời thì phải hoàn thiện nhân cách của một con người. Làm người hoàn thiện chính là biết sống có nhân-nghĩa- lễ- trí- tín đó là trong thế cách đối xử thế nhân tới thiếu, còn trong con đường đạo thì làm người phải tròn đủ giới- đức.

Thừa hưởng cơm Phật mà quét không sạch một ngôi chánh điện thường ngày thì làm sao có thể nói Đông nói Tây, nói phải nói trái, thế mới biết nói luôn luôn là dễ, ai cũng có thể nói Thánh được. Thế mới có thơ tạp rằng:

***Học cao đẳng nhưng đầu thì không đổi
Nói nhêu ngao không quét sạch sân chùa.***

Vậy mới biết rằng, sự lầm tưởng và ảo tưởng một giá trị không thật, thật là đáng sợ, giết chết cả một cuộc đời và một tâm thức cao thượng sẵn có trong tất cả con người.

Người đi đến gần đích của một vị thánh, thì càng không nói nhiều, càng khiêm cung và vô cùng giản dị, bởi lẽ họ không còn sống cho chính họ, mà chính là họ sống cho lý tưởng, cho sự nghiệp giải thoát và cho tha nhân.

Những người đó dám vứt bỏ tất cả những gì của thế gian thềm khát khi cần thiết, để phụng sự cho lý tưởng giải thoát, ngay cả đến thân mạng của chính họ cũng không hề luyến tiếc. Huống hồ, chúng ta hôm nay, ngày đêm cố gắng để nắm giữ, suy nghĩ đủ điều, tính toán muôn kế, chà đạp lẫn nhau để cầu lợi dưỡng, danh vọng, quyền thế, thì sao gọi là Thánh- Nói Thánh và làm Thánh. Thật là mênh mông cách học làm Thánh của phàm phu tục tử.

LÁ NÀO CŨNG RƠI

Buồn... Đau... Xót... Bi thảm... Và hơn thế nữa để diễn tả trạng thái, hoàn cảnh mất mát, vô thường của con người và thế giới xung quanh.

Mưa bão, giông tố, thổi ào ạt, gió nhẹ thì cành lá rơi rụng, mạnh thì sập nhà, ngã cột, thành bão tố, rồi nước lớn tràn ngập nhân chìm tất cả. Đó là quy luật vô thường của vạn pháp; Là nhân quả tất yếu của sự có sanh, có bệnh, có lão và có tử. Có thể nói, đây là quyết ngôn; Là tận ngôn; Là huệ ngôn.

Từ khởi điểm sanh ra giống nhau, có thể chung một nhà, mở rộng chung một quốc gia, chung một thế giới, chung một cõi... Ta bà. Tuy nhiên, đã nói đến vô thường thì không hẹn ngày, không có tuổi tác, không cùng giờ, cho đến đi cũng không chung đường, chúng tùy thuộc và nghiệp lực và phước lực.

Vậy, mới nói lá nào cũng rơi. Lá già rơi đã đành, lá non cũng rơi, bởi bão tố. Nếu dùng bão tố làm ảnh dụ của vô thường thì con người cũng sẽ rơi như thế, già chết đã đành, chết non cũng là

lẽ thường. Bởi dòng xoáy của vô thường, bởi sức mạnh của nghiệp lực chi phối. Hiểu được như thế là hiểu được thực tướng của cuộc đời. Sự sống có thường chính là sự vận hành của sanh và diệt.

Là chúng sanh, ai và mình rơi vào cảnh chết chóc, bão tố, lụt lội, mất mát phải thấy đau, buồn, bi, xót. Thấy đau để thương, có bi mới là con người, có xót xa thì mới tìm cách vực dậy, nếu không thì đó là gỗ đá. Biết để chia sẻ, để động viên và để đứng dậy tiếp tục trong con đường có sanh và có diệt, nghĩ thế, chúng ta mới có khả năng giải tỏa, sống chung và tìm đường vượt thoát trong cái thường của sanh diệt đó.

Đức Thế tôn đã dạy:

Có thường thì có diệt

Gặp đây mai cách biệt

Lên cao rồi xuống thấp

Sanh tử lẽ thường nhiên.

Ai hiểu được điều này là hiểu đạo, ai ngộ được điều này là trượng phu, ai chứng được điều này là bậc Thánh.

AI BỆNH?¹

Ai cũng bệnh! Hễ là con người thì ai cũng bệnh, chúng sanh loài nào cũng bệnh, đến hồi phải tan rã. Đó là quy luật tất yếu trong sự vận hành của một dòng nghiệp lực, thường gọi là luân hồi sanh tử, một vòng tròn khép kín được kết nối bởi chất liệu khổ đau, có thể hiểu bắt đầu từ sanh, đến bệnh, già và cuối cùng là chết. Chư thiên là một dạng chúng sanh cấp cao, được biết như là dạng chúng sanh có nhiều phước báo, nhưng cũng không thể tránh khỏi quy luật này.

Bệnh là nghiệp. Nghiệp chi phối chúng sanh. Ai không còn nghiệp thì người đó thoát ra được sự chi phối này, tự tại và làm chủ được sự sanh và hiện hữu của chính mình. Người đó là các bậc La hán, Bồ tát và Phật.

Nghiệp bao phủ cả thân lẫn tâm. Như vậy, bệnh thì có thân bệnh và có tâm bệnh. Nhiều người thân chưa bệnh nhưng tâm đã bệnh, kéo theo thân bệnh. Người khác thân có bệnh nhưng tâm không bệnh, mặc dầu thân có bệnh tật thì sự đau đớn cũng được giảm thiểu.

¹ *Phỏng theo Kinh Pháp Cú Thí Dụ, Quyển 1, Phẩm 4-Đa Văn*

Khổ nhất là thân chưa bệnh mà tâm bệnh làm cho thân bệnh. Người đời hay nô nê là bệnh than, than thân trách phận, chánh pháp không tìm, đi tìm tà pháp, tán loạn sanh bệnh. Nan y nghĩa là bệnh nặng, bệnh khó chữa, giống như ung thư giai đoạn cuối, chỉ chờ chết.

Đó chính là bệnh lo chưa bệnh mà lo bệnh, già mà không chấp nhận mình già, sợ già, tâm sợ hãi không dám nhìn vào sự thật. Bệnh là sự thật đến với mọi người bất cứ lúc nào, cần phải đối diện không tránh né, không mong cầu đừng bao giờ bệnh. Đó là suy nghĩ không chân chánh, không đúng, đi ngược lại sự vận hành của các pháp.

Đôi khi có bệnh nếu hiểu thì cũng là điều tốt: *“Ở đời thì đừng cầu không tật bệnh, vì không tật bệnh thì tham dục dễ sanh”*. Tham dục sanh thì khổ càng lớn, khổ lớn hơn cả bệnh, đó là nỗi khổ của sanh tử. Đa dục là cội nguồn của sanh tử luân hồi.

Đức Phật dạy: ***“Chúng sanh thì không ai không bệnh.”*** Có bệnh thì phải chữa bệnh, không chữa bệnh thì chết oan. Trị bệnh mà không cẩn thận, không đúng thuốc, đúng thầy thì tạo thêm bệnh. Thứ nữa, có bệnh thì phải biết lắng nghe, nhận sự tư vấn, không ngạo mạn chẳng biết thuận nghịch, cứ làm theo ý muốn của mình. Tất

cả tâm lý này, chỉ có đến một con đường đó là chết uống mạng, đồng nghĩa với ngu si không có chánh kiến.

Chúng sanh có bệnh phải lắng nghe Người Thầy Thuốc Vĩ Đại (*Vô Thượng Y Vương*) chỉ dạy thế này: Tám thân được kết tụ bởi đất - nước - gió - lửa, bốn thứ này vào những lúc không hòa hợp, mất cân bằng thì khi đó thân có bệnh, mà có bệnh thì cần phải uống thuốc.

Tâm thần bị bức bách, phiền não bởi vọng tưởng, suy tưởng viển vông, tà ma quấy nhiễu thì phải tụng kinh- giữ giới. Muốn thân tâm được nhẹ nhàng phải biết bố thí, phóng sanh để giải oan, giải kiết, giải độc nhiều đời đã tích tụ trong thân và tâm, cũng như tránh bị đoán mạng.

Những phương thuốc để có thể giải độc từng ngày và chữa trị bệnh tật của thân và tâm, đó chính là Chánh kiến. Có chánh kiến là có trí tuệ thì giải được tất cả mọi nghi, mọi nhẽn, sự bế tắc. Muốn có được trí tuệ thì phải thường lắng nghe, ở đây là nghe pháp, nghe lời sự thật, nghe lời các bậc minh triết, nghe lời Phật dạy.

Và cuối cùng là phải biết buông xả. Vì thân cũng chẳng phải thật của ta, chúng do nhiều duyên tạo thành. Tâm cũng chẳng có gì là thật

bởi luôn luôn vô thường biến đổi, nương tựa vào ngoại cảnh mà có, không chắc chắn.

Chúng sanh thì có sanh có tử có luân hồi. Chúng sanh đã giác ngộ thì không sanh không tử không luân hồi. Bởi vì, sanh- lão- bệnh- tử là như vậy, là một quy luật duyên khởi trùng trùng điệp điệp. Nó là như vậy. Thì có gì phải lo sanh và tử. Cứ để sanh đến tử đi. Tựa như áo cũ thì phải thay áo mới, đồ cũ thì phải bỏ. Hãy mạnh dạn đối diện với sự thật này mà giải thoát chúng.

NỖI ĐAU NÀO HƠN

Chuyện kể rất xưa cách đây mấy ngàn năm, từ thuở hoàng hôn mông muội của con người. Lúc ấy, loài người sống và nhận thức đơn giản, tâm hồn chất phác, suy nghĩ ngắn gọn. Đời sống của họ ít bon chen, chật vật, ít chiếm hữu tài sản và màu sắc hưởng thụ không đa dạng. Tuy nhiên, suy cho tận nguồn cơn thì lòng tham muốn, tư hữu và muôn vàn tính khí hiện tượng của đục vọng, thuở nào cũng có. Khác nhau là cách thức thể hiện lòng tham và đục vọng của con người mỗi thời đại, mỗi quốc độ.

Thế giới loài người hôm nay, khác xa, thay đổi rất rộng, nhận thức có nhiều biến chuyển, văn minh hơn, lịch lãm hơn, không những biết ăn mặc vừa đủ, mà còn biết ăn phải ngon, mặc phải đẹp, nhưng để rơi chiếu vào nội tại bên trong đời sống thường ngày đang diễn ra, ngay từ giây phút này thì không mấy gì khác với xưa. Con người vẫn đầy đủ những thèm khát, nhiều ham muốn và đặc biệt ngu muội y nhau, muôn thuở.

Chuyện kể được tóm tắt rằng: Những tay chuyên trộm cướp hội tụ thành nhóm, tạo nên

một thế lực lớn, ở một góc phố, làm cho người dân sống ở đó và kẻ đi lại bất an, tiếng đồn đến tai chính quyền.

Tuy nhiên, bằng nhiều cách khác nhau, chính quyền cũng không đủ khả năng để ngăn chặn thế lực vô minh này. Chuyện đến tai đức Phật, vì lòng bi mẫn với tất cả chúng sanh, Ngài nói những kẻ này có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe. Bậc giác ngộ hiện thân của sự bình an, và sáng suốt đang ở đây mà không thấy, đang rao giảng chánh pháp nhưng không đến để học hỏi những điều hay lẽ phải.

Đức Phật liền vận dụng thần thông, hiện thân một đại gia, có nhiều cửa cải, một mình đi vào giữa lòng sự hung hãn này. Những tên cướp thấy hình bóng của một người giàu có, mang nhiều của cải đi vào trong lãnh địa của mình, liền sẵn sàng giăng lưới để cướp của. Năm trăm tên cướp hung hãn vừa bước ra, chỉ một mũi cung tên, đức Phật bắn ra năm trăm tên này liền trúng thương và nằm lãn ra đất, mũi tên đâm sâu trong thân thể, vết thương nặng nề.

Một trong những tên cướp la lên: “Ngài là ai, là thần hay thánh mà một mũi tên hạ gục một lúc năm trăm người, chúng tôi dính thương nặng và sâu như thế này”. Đức Phật hiện thân lại một tấm

thân trang nghiêm đầy tướng hảo và nói rằng: “Chưa nặng và sâu đâu, vết thương nặng nhất không gì bằng ưu phiền, tàn hại lớn nhất không gì hơn ngu si. Các người mang trong mình sự âu lo do lòng tham, sự tàn hại của tâm ngu si cuồng loạn, đó là vết thương nặng và mũi tên sâu không thể chữa trị được. Những gốc rễ rất sâu, cho dù tráng sĩ khỏe mạnh cũng không thể nhổ nổi”.

Rõ y như tờ giấy trắng, xã hội thời nay, con người tự cho là văn minh hơn, thông tin xã hội được cập nhật và tuyên truyền liên tục, đủ loại hình truyền thông, thế mà càng có rất nhiều, rất nhiều người có mắt nhưng có bao giờ thấy, có tai mà đâu nghe được.

Sự cướp bóc, hận thù và ngu muội tràn lan. Con người luôn lo sợ khi ra đường, sự nguy hiểm luôn luôn rình rập bởi một thế lực hung tợn, vô tâm và không còn nhân tính, cái gì cũng cướp, cái gì cũng giựt cũng lấy, bằng mọi hình thức bất chấp tánh mạng của người khác, chỉ có vài đồng cũng có thể đưa một người đến thương tật suốt đời, chỉ có một cái điện thoại cũng có thể giết chết một mạng người, vậy thì xã hội văn minh ở đâu? Sự bình an và sự được bảo vệ của con người ở đâu? Có lúc, chính quyền đã nỗ lực nhưng cũng không thể dẹp được một thế lực cuồng loạn và ngu si này.

Thế mới biết, không ai có thể nhỏ nổi gốc rễ tâm bệnh tham sân si, những tâm buông lung tham dục, biếng nhác và đầy khát ái, mà đức Phật đã nói. Chỉ có giới luật và trí tuệ soi sáng thì mới chữa trị được tâm bệnh nhiều đời kiếp của chúng sanh.

Người sống trong tinh thần đạo lý, biết tôn trọng luật pháp, biết quy luật nhân quả, có tình thương với kẻ khác, đó là người sống có chánh kiến, có trí tuệ, thì mới thoát được những tai họa, sống mới được bình an. Một xã hội văn minh là một xã hội biết tôn vinh và liên tục ca ngợi những điều thiện lành. Con người muốn có đời sống bình an, hạnh phúc thì người đó phải biết trau dồi và phát triển những món ăn tinh thần lành mạnh, chứ không phải những giá trị vật chất phù du.

Ai cũng có đôi tay, ai cũng có khối óc hãy khơi nguồn và tận dụng những trợ thủ hữu hiệu này, để kiến tạo đời sống của chính mình, và làm đẹp cuộc đời. Hãy tháo gỡ những tên trộm Tham Sân Si đang ẩn núp trong tâm thân này.

NGHIỆP ĐẾN TRỐN Ở ĐÂU?

Nghiệp là gì? Nghiệp là những hành động thiện ác có tác ý do chúng ta gây ra hằng ngày. Thường nói ba nghiệp là: Thân nghiệp - Khẩu nghiệp và Ý nghiệp. Ý nghiệp là quan trọng nhất. Bởi vì, trong các pháp tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác.

Một hành động tạo ra với tâm tốt thì sự an vui theo nghiệp đến như bóng theo hình. Ngược lại với tâm xấu ác thì sự khổ theo nghiệp kéo đến như xe lăn theo con vật kéo xe. Nghiệp dẫn chúng sanh đi trong luân hồi sanh tử. Nghiệp do chính ta tạo ra, thì cũng do chính ta nhận lấy, và cũng do chính ta chuyển nghiệp. Phật, Bồ tát và A La hán là những người không bị nghiệp dẫn dắt và chi phối.

Ngày xưa, sự hiểu biết của con người chưa rõ ràng và cụ thể, mặc dầu có những phát minh, kiến trúc và những thành tựu khoa học, mà cho đến hôm nay đứng trước những kiến trúc, kho tàng văn minh đồ sộ đó, con người hiện đại chỉ biết ca thán và ngả mũ cúi đầu.

Tuy nhiên, giữa sự nhận thức bác học tối thiểu đó, phần lớn con người mù mờ trước các

hiện tượng chuyển động của các pháp, bên cạnh tâm lý sợ hãi muôn thuở, được xây dựng bởi cái TÔI không thật. Tâm thức con người dần xa lìa với nguồn tâm của chính mình, mượn thế giới bên ngoài làm điểm tựa. Từ đó, niềm tin tâm linh phát sinh đa tôn giáo, vô số thần thành, mỗi sức mạnh vô hình nào mà con người không hiểu được thì đó trở thành một vị thần, vị thánh.

Sự muốn vươn lên của con người, là trung tâm của vũ trụ, vọng tưởng trở thành những bậc siêu phàm, đủ sức để đi ngược lại vòng quay của quy luật tất yếu của cuộc đời, đó chính là Sinh-Già-Bệnh-Chết. Tham vọng trở thành những kẻ trường sanh bất tử, vô bệnh, hô mây, kéo gió, chuyển đất, vá trời... nhưng rồi có ai chuyển được nghiệp lực của chính mình, nghiệp đến không trốn được. Si tưởng ấy, cho đến thời này mà cũng còn quá nhiều kẻ ngu ngơ, tưởng là có thật và thực hiện được, vẫn tiếp tục mò mẫm, phí thời gian học hỏi. Do vậy, từ lâu đức Phật đã dạy:

*Dù hư không, biển cả
Hay trốn vào hang đá
Không một nơi chốn nào
Thần chết chịu buông tha
Người tạo nghiệp là Ta
Hôm nay phải gặt quả*

*Người bị nó quấy nhiễu
Già chết nào bỏ qua
Biết vậy tâm an hòa
Sanh tử sẽ tránh xa
Tỳ kheo dẹp quân ma
Thoát sanh tử Ta bà.*

Người khôn ngoan là người phải biết rằng ta đang sống với nghiệp. Những kết quả chúng ta đã tạo ra, trong đó có cả những sự tối tăm, xấu ác luôn cả những thiện lành, sáng trong. Và tiếp tục tạo ra những hành động mới để tạo ra những kết quả trong tương lai, hay gọi chung là Nhân quả- Nghiệp báo- Luân hồi.

Người khôn ngoan là người muốn nhận được những quả ngọt, những quả tốt. Muốn thế thì hãy gieo những hạt giống tốt trong bất cứ mọi thời đại. Tựa như, kẻ trồng cây, trước hết phải lựa chọn cây mình muốn trồng, tìm được những hạt giống tốt, phải vận công chăm sóc kỹ lưỡng, thì mới hy vọng có những quả lành tương xứng. Nghiệp của chúng ta cũng thế thôi.

Đừng bao giờ, mộng tưởng không trồng cây mà có quả để hái. Cũng đừng ảo tưởng từ bỏ, hay trốn thoát những gì mình đã gieo trồng. Hãy tỉnh táo mà gieo và gặt những gì đáng gieo đáng

gặt. Ai làm được thế, thì chắc chắn thoát được quy luật gieo và gặt. Ngay cõi sanh tử cũng thế, có những trạng thái thoát khỏi quy luật trong cõi sanh tử này, yếu tố chính là ý thức vượt thoát và trí tuệ nhận ra được đâu là nhân và duyên kết thành sanh tử.

CÒN LỜI NÀO ĐỘC HƠN

Đức Phật đã sử dụng nhuần nhuyễn hạnh Ái ngữ. Ái ngữ là lời nói chan chứa tình thương và sự hiểu biết. Lời nói khiến người nghe thức tỉnh và thăng hoa trong các mối quan hệ, giao tiếp.

Lời nói tạo dựng sự kết nối bền vững không chứa đựng oán hờn, thù ghét và vô vàn ganh tỵ hơn thua. Lời nói từ ái có kết quả điều phục và chuyển hóa. Lời nói chia sẻ luôn đưa đến sự thành tựu. Tất cả ý nghĩa này, đều có thể hiểu nó xuất phát từ Ái ngữ. Đức Phật và rất nhiều Bồ tát, A La hán thành tựu hạnh ái ngữ này, do đó lời nói của các Ngài chỉ mang lại an vui cho người khác.

Chúng ta nói không được, chưa thực hành được hạnh ái ngữ nên cuộc đời của chúng ta có nhiều phiền toái, sự quan hệ ngôn ngữ giao tiếp của chúng ta đầy phức tạp, rối ren và tối nghĩa. Bởi vì, lời nói của chúng ta luôn chứa đầy bản ngã, cái tôi to lớn và hơn thế nữa, nói để hạ gục, nói để giết cơn giận trong ta và gieo hận thù cho người, đây là lời nói ác.

Chúng ta thường nói không thật, lời nói hay thêm bớt, hay tô vẽ, không phản ánh nguyên bản. Nói lừa dối chiều, nói lời mỹ miều làm xiêu lòng người đánh lạc hướng tính chất thật của tâm lý mình với người khác, tất cả đều này nằm trong giới thứ tư của người con Phật.

Hơn thế nữa, lời nói mang hậu quả nặng, kéo theo kết quả nhiều đời. Đó là lời thề độc. Lời thề dụng ý như lời thề nguyện về một việc gì đó, để chúng ta cố gắng làm cho đến nơi đến chốn, như phát nguyện tu tập, có thể chấp nhận.

Các vị Phật và Bồ tát đã thề nguyện. Như Thái tử Tất Đạt Đa đã từng thề nguyện, khi Ngài quyết định hạ thủ công phu phải thành tựu đạo quả: *“Dù thịt tan xương nát, nếu không đạt được đạo quả giải thoát, giác ngộ, Ta thề không rời khỏi chỗ này”*. Địa Tạng Bồ tát cũng có lời thề nguyện: *“Nếu không độ hết tất cả chúng sanh chịu sự khổ đau ở địa ngục thì thề không thành Phật, không ở địa vị chánh giác”*. Lời thề nguyện này mang nhiều lợi ích cho mình và cho mọi người. Sự giác ngộ của các Ngài mang lại an lạc rộng lớn đến với tất cả chúng sanh.

Nhưng thề độc thì không nên, cẩn thận khẩu ý khi chúng ta nói hay rơi vào những lời thề độc. Bởi vì, trong lời thề đó hàm chứa sự sân hận, oán

thù, ganh tị và độc ác, chắc chắn dẫn đến kết quả khổ đau tận cùng, không những một đời này mà còn nhiều đời khác.

Người đời hay thường nói: Nên uốn lưỡi bảy lần trước khi nói. Chúng ta khi nói nên thực tập nói chậm lại, nói có chánh niệm và có tinh thức bất cứ trong hoàn cảnh nào, nói có kiểm soát thì ít có mang hậu quả, ít có hối hận bởi lời nói đã buông ra. Nhứt ngôn ký xuất, tứ mã nan truy nghĩa là một lời nói đã buông ra bốn ngựa chạy theo cũng không kịp, nghĩa là lời nói đã ra khỏi miệng thì khó có thể lấy lại được.

Hãy nói năng như chánh pháp. Nói những điều cần nói, nói đúng chân lý, trao đổi và thảo luận những gì thuộc đạo lý, và khi muốn nói, hãy nhớ lời đức Phật đã dạy:

*Chữ mắng lời độc ác
Kiêu căng, khinh miệt người
Làm những điều như thế
Oán thù sẽ phát sanh.
Nói những lời hòa thuận
Tôn kính người xung quanh
Bỏ kết nhẫn điều ác
Từ đây hết hận thù.*

*Phàm người sống ở đời
Như búa để trong miệng
Sở dĩ thân bị chém
Đều do nói lời ác.*

Đức Phật đã thành tựu trong lời nói, không phải chỉ một ngày hay vài tháng, chính Ngài cũng đã thực tập rất nhiều thời gian và có những nguyên tắc nhất định: “Lời đức Phật nói bao giờ cũng dựa vào ba nguyên tắc: Thứ nhất là sự thật; thứ hai là mục đích (tức việc mà mình muốn nói đó có liên hệ đến sự giác ngộ và giải thoát hay không); và thứ ba là người nghe có ưa thích hay không. Căn cứ vào ba điều kiện này, đức Phật tiếp tục phân tích, có bốn trường hợp đức Phật không nói, chỉ có hai trường hợp đức Phật nói, nhưng phải lựa lời. Bốn trường hợp đức Phật không nói là:

1. Lời nói nào Như Lai biết không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, Như Lai không nói lời nói ấy.

Ở trường hợp thứ nhất, đức Phật không nói vì nó không đúng với sự thật, không liên hệ đến sự giác ngộ và giải thoát và người nghe cũng không ưa không thích.

2. Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như

chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, Như Lai không nói lời nói ấy.

Ở trường hợp 2, đức Phật không nói, lý do vì nó không liên hệ đến sự giác ngộ giải thoát, đồng thời người nghe cũng không thích, cho nên đức Phật không nói.

3. Lời nói nào Như Lai biết là không như thật, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa thích, Như Lai không nói lời nói ấy.

Ở trường hợp này, đức Phật không nói, vì lý do, nó không đúng với sự thật, không có liên hệ đến sự giác ngộ và giải thoát, tuy rằng nó rất được người ta ưa thích. Ví dụ như với lời ngọt ngào khen ngợi với mục đích trục lợi.

4. Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, Như Lai không nói lời nói ấy.

Trong trường hợp này, đức Phật không nói, vì lý do, nó không có liên quan đến sự giác ngộ giải thoát, tuy rằng nó đúng là sự thật mà lại được người khác ưa thích, nhưng vẫn không được đức

Phật nói. Ví dụ người thợ săn hỏi: có con nai chạy vào hướng này không? Nếu như có đi nữa thì đức Phật khuyên chúng ta không nên nói thật về trường hợp này.

Ngoài ra, có hai trường hợp được đức Phật nói:

1. Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, Như Lai ở đây biết thời giải thích lời nói ấy.

2. Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, ở đây, Như Lai biết thời giải thích lời nói ấy.

Trong hai trường hợp này, trường hợp thứ hai thì không có gì để bàn cãi, nhưng ở trường hợp thứ nhất thì chúng ta cần giải thích để vấn đề được dễ hiểu hơn. Ở trường hợp thứ nhất này, dấu rằng nó không được người khác ưa thích, nhưng nó là sự thật, hơn nữa có liên hệ đến sự giác ngộ giải thoát cho nên đức Phật lựa lời mà nói sự thật đó. Đây chính là trường hợp đức Phật nói lên sự thật của thế gian đã khiến cho những người ngoại đạo không thích, nhưng không thể vì vậy mà đức Phật không nói lên chân lý của thế gian.

Nói tóm lại, trong bốn trong trường hợp mà đức Phật nhất định không nói, yếu tố chính là nó không có liên hệ đến sự giác ngộ và giải thoát. Ngược lại, cũng vậy, hai trường hợp mà đức Phật nói, nguyên nhân chính là nó có liên hệ đến mục đích. Như vậy, từ đó chúng ta có thể đưa đến kết luận là vấn đề nào có liên quan đến sự giác ngộ và giải thoát thì vấn đề đó được đức Phật nói và ngược lại, sẽ không được đức Phật bàn luận”¹.

Như vậy, chúng ta hãy cẩn trọng những lời nói của mình. Hãy nhớ:

“Họa tùng khẩu xuất” là bài học muôn đời mà ai cũng phải nhớ, cẩn thận chớ buông lung.

¹ **ĐẠO PHẬT XƯA VÀ NAY**, Thích Hạnh Bình, Nhà xuất bản Phương Đông 2008

AI CŨNG CỐ THAM SÂN NHƯNG DÁM XẢ BỎ: ĐÓ CHÍNH LÀ NGƯỜI LỚN

Tham sân si là ba loại bệnh trầm kha muôn thuở khó chữa trị của chúng sanh, hầu hết đã là con người thì ai cũng bị nhiễm loại bệnh này, khác nhau là kẻ nhiều người ít, không ai là không có, giống như vi trùng nơi đâu cũng có.

Suy đến cùng, chúng còn hơn cả vi trùng mà chúng ta biết đến, chúng thuộc loại siêu vi trùng khó thể lường tượng nổi. Bởi vì, loại vi trùng chúng ta thường nói và thấy, chỉ phá hoại nhục thân, xác thân, loại siêu vi trùng này phá hoại cả huệ mạng, dòng tư tưởng và sự hiểu biết sáng suốt của chúng sanh.

Sức công phá của siêu vi trùng này rất lớn, giết chết con người không những một đời, mà còn nhiều đời khác. Lòng tham lam, bản tính hận thù, và sự hiểu biết mê mờ dẫn chúng sanh lên xuống, luân hồi trong ba đường sáu nẻo.

Tham sân si là loại siêu vi trùng cực mạnh, chúng ăn sâu trong máu, mủ, hơi thở, cảm xúc,

tư duy... và có mặt trong thân tâm của mỗi người. Chúng tựa như tài sản phải có thuộc về con người không thể tách rời, hay là thuộc tính của chúng sanh.

Bản chất của tham sân si, loại siêu vi trùng này khi hiện tướng khác nhau vô cùng ở mỗi con người. Chúng được hiểu như là vô số tâm lý xấu ác, tiêu cực, hay phiền não vô tận, sức ảnh hưởng của chúng đến cả chủ thể và khách thể, nội giới và ngoại giới khi hợp duyên với nhau, chúng luôn thuộc về chất bệnh, gốc hoại tử.

Kinh nói, ai cũng có nghiệp, vậy ai cũng có bệnh, trước mắt đó là bệnh tham sân si là rõ nhất và dễ thấy bởi ai cũng có, bên cạnh còn rất nhiều bệnh khác, cả trăm ngàn bệnh đang có mặt trong một tấm thân nhỏ bé này. Cho nên, đạo lý nhà Phật hình dung từ số lượng cho các tính chất độc hại này là vô số hay vô tận (phiền não vô tận thế nguyện đoạn) để diễn tả cái không thể đong đo tính đếm được.

Tham sân si một khi được gạn lọc và đoạn trừ, người đó được xưng tụng là Thánh thành tựu, ngược lại, phạm phu thì vẫn còn mang nặng nhiều độc tố, đầy dẫy trong tâm thức, nó thuộc về tập khí lâu đời, không dễ dàng một ngày tháng năm khổ tâm tu tập mà tháo gỡ, dứt đoạn được, bệnh

lý của chúng tựa như ung bướu, có tính nhiễm nhanh và lây truyền rất lớn.

Một bậc Giác ngộ đã nói: “*Không sợ tham sân khởi, chỉ sợ giác ngộ chậm*”. Ở đây, chúng ta hiểu thêm ý khác, ai cũng có tham sân, khác chăng cách thể hiện, lộ và ẩn tương, phương cách xử lý và biện pháp ngăn ngừa chúng mà thôi, tựu trung nằm trong quy luật nguyên nhân và kết quả.

Thông thường, một khi tham sân si nổi lên, thì chủ thể và khách thể, hay cách khác, kẻ tham sân si và người nhận năng lượng tham sân si của ai đó buông ra, đều chuốc lấy phiền não và đau khổ, tính chất hậu quả cả hai nhận được không khác.

Tuy nhiên, nếu cứ cố bám và phán xét phải trái dựa vào hậu quả đó thì kết quả sẽ dẫn đến những hành vi khác xa, đó là sự dịch chuyển hay nghiệp dẫn, không có lối thoát, bởi vì nghiệp dẫn đi trong luân hồi, một vòng tròn không có khởi điểm.

Không cố chấp hay buông bỏ nghĩa là không nắm giữ, không luyến tiếc, không ôm ấp, không níu kéo là biện pháp để ngăn ngừa tác hại của loại vi trùng độc hại này. Thông thường, muốn thấy được vi trùng đang có mặt ở đâu đó, mắt thường phải dùng kính hiển vi, bác sĩ đọc qua bảng xét nghiệm v.v.

Người đang tu tập thấy tham sân si qua lăng kính hiểu biết chân chánh, qua sự suy nghĩ chính xác, hay gọi chung là trí tuệ giác ngộ. Giác ngộ có nhiều nghĩa tựu trung là sự tỉnh táo; tâm thức định tĩnh cao độ; sự quán chiếu sâu sắc; sự thấy rõ thật tướng của các pháp.

Tính cố chấp, luôn thuận theo chiều hướng của sự cố duy trì và nắm giữ. Nắm giữ sự hiểu biết của chính mình, cứ luôn cho là mình đúng, buộc người khác phải nghe, cũng là thuộc tính của ngã và ngã sở.

Sự buông bỏ vừa mang tính tư tưởng lại mang thể vật chất, buông bỏ những cái gì cụ thể có thể thấy được, ví như tài sản, những gì thuộc sở hữu v.v. Chúng sanh một khi đã tháo gỡ được sự trói buộc thuộc về vật chất và phi vật chất, tâm hành đó được gọi là tâm xả ly. Ai dám xả ly các pháp khi đang sống giữa cuộc đời này thì xứng đáng gọi là Người Lớn; là Thánh nhân đang hiện hữu giữa cõi đời.

Bởi lẽ, người đó sống trong sự trói buộc mà không bị trói buộc, sống trong ô nhiễm mà không bị ô nhiễm, sống trong bệnh tật mà không bị bệnh tật hoành hành, huỷ hoại. Người đó, tâm tự tại trong các biến động, không bị đắm nhiễm khách trần, như hoa sen thơm đẹp thoát ra từ đồng bùn dơ tanh hôi.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một đức Phật trong kiếp hiện tại, nguyên thì là một chúng sanh, bởi chính Ngài dám xả ly tất cả, hành động này đi từ kẻ phạm phu dẫn đến bậc giác ngộ.

Trước nhất, Ngài xả ly ngai vàng điện ngọc, địa vị vương quyền, danh vọng cao sang; Xả ly tất cả những gì thuộc mình đang có chính đáng, những gì con người khát khao, ước vọng và truy tìm.

Cho đến, thân người mà chúng ta thường nói là cao quý, khó có được, Ngài vẫn có cách thể xả ly để phục vụ cho một lý tưởng cao hơn, rộng lớn, ích lợi cho số đông. Những sự nghiệp xây dựng được sau thời kỳ giác ngộ, thành Phật, Ngài cũng buông bỏ không nắm bắt. Như Giáo pháp-Lời dạy của Ngài cao quý, là một tài sản trí tuệ lớn đóng góp vào nền văn minh hiền triết cho nhân loại hôm nay, nhưng Ngài cũng không nắm giữ làm của riêng mình, ngược lại luôn khuyến khích truyền bá, trao truyền đến mọi người, và cổ súy không nên nắm giữ cho riêng ai.

Để đạt đến giải thoát- giác ngộ, chánh pháp còn phải bỏ huống hồ phi pháp, trên đạo lộ giải thoát thênh thang. Làm sao mà một con người có thể nhận được sự kính trọng của các loài, được trời người quy ngưỡng, tôn thờ mà bản thân người đó

chỉ sống lẫn lẩn trong những suy nghĩ và hành động nhỏ nòi, chứa đầy bản ngã và những gì thuộc về của ta đang trói buộc.

Chỉ đến khi nào, cách làm và cách nghĩ của người đó không còn bị thôi thúc, bị lôi cuốn, bị chi phối bởi Ta và cái gì của Ta thì người đó mới đủ tâm lượng và phẩm hạnh phục vụ cho tha nhân, làm lợi lạc cho số đông, mới xứng đáng được số đông ca ngợi và quy đầu.

Sự thành đạo của đức Phật dưới gốc cây Bồ đề, qua thời gian trăm mình, kiên định, trong suốt 49 ngày đêm thiền định, tư duy hiện tượng các pháp rỗng rã, cho đến quên thân, để vượt qua biết bao sự thăng trầm của nắng mưa, sự thiêu đốt của nội tại và sự nguy hiểm của ngoại giới.

Sự đấu tranh bền bỉ với nội tâm, nội kết nhiều đời, và ngăn cản sự chống phá của ma quân, phân ranh giữa cái thiện và cái ác, giữa bóng đêm và ánh sáng, để cuối cùng Ngài vượt lên tất cả, đứng dậy hiên ngang bằng một cái tâm vô nhiễm, vô chấp, vô thù, vô đối, để bắt đầu từ cái không đến cái có và rồi từ có để trở về không, như một áng mây lớn trôi giữa bầu trời vô tận, không vương bận, vương kẹt, như nghìn năm mây trắng vẫn bay thong dong, tự tại.

Cho đến hôm nay, tâm thể Ngài vẫn lớn và càng lớn hơn, khi những tâm hồn lớn, trí thức lớn, trí tuệ lớn quy đầu học hỏi, nghiên cứu và ứng dụng vào trong đời sống hiện tại.

Sự kiện thành đạo của đức Phật Thích Ca Mâu Ni cách xa thời đại chúng ta đang sống gần 3000 năm. Tuy nhiên, lời dạy của Ngài cho đến ngày hôm nay vẫn vô cùng ý nghĩa và thiết thực để áp dụng vào trong tất cả khía cạnh của đời sống.

Con người đang sống ở đất nước nào, đang ở một vai trò nào, ở địa vị nào, dù người sang hay kẻ hèn, khi biết vận dụng thì lời dạy của Ngài có một sự đóng góp hữu hiệu nhất định. Tựa như một trận mưa lớn tuôn xuống, thì tất cả cành cây ngọn cỏ, dù lớn dù nhỏ đâu đâu đều được tưới tắm, mảnh đất khô cằn nào cũng được ướt đẫm mềm mại.

Nội dung thành đạo của đức Phật bao gồm tất cả lời dạy sáng tỏ của Ngài trong suốt 49 năm tùy duyên thuyết pháp độ sanh, được kết tập và được nhắc lại nhiều lần, từ các hội chúng nhỏ cho đến những hội nghị lớn, trong quốc gia, làng xã, gia đình nhỏ bé cho đến những thương trường quốc tế hôm nay, cũng không ngoài mục đích để phát huy và bảo tồn những giá trị văn minh, nền tảng nhân văn của nhân

loại, như một kho báu chung của loài người lấy hoài không cạn.

Khoa học hôm nay có nhiều phát minh vượt trội, đời sống con người được thay đổi khá lớn, đi lên từ nghèo khó để xây dựng một xã hội lý tưởng, giàu có và văn minh, để đáp ứng mục tiêu quan trọng của con người là kiến tạo hạnh phúc và được hạnh phúc, thì những thành quả giác ngộ của Ngài không thể vắng mặt trong những tư duy và hành động đó. Những lời dạy giác ngộ của Ngài như kim chỉ nam, như tiền đề để xây dựng một xã hội văn minh và thịnh vượng.

Là người Phật tử, kỷ niệm ngày Thành đạo của Ngài, chúng ta cùng nhau nhớ lại những lời thệ nguyện lớn: Pháp môn vô lượng thệ nguyện học - Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

SÁNG GIỮA BAN NGÀY

Sáng giữa ban ngày ý tứ ở đây chúng ta thêm vào cho rõ nghĩa là tự thấp sáng giữa ban ngày. Tựa đề này, vừa nghe chúng ta thấy có điều gì chưa tròn trịa lắm, chưa được sáng tỏ. Đúng vậy, nó bị mâu thuẫn, và không đong đầy ý nghĩa.

Thông thường, ánh sáng của bóng đèn, cây đuốc, hay ánh sáng nhỏ nhít của đom đóm vào ban đêm, giữa trời tối, thì mới có tác dụng, ban ngày cần gì ánh sáng. Có ai lái xe hơi ban ngày, nắng ráo lại mở đèn pha. Cũng thế, ngọn đèn trí tuệ được thấp sáng nghĩa là phải có màn đêm vô minh, bóng tối vô minh tự khắc bị xua tan, bởi ánh sáng này.

Chuyện được kể trong kinh Pháp cú thí dụ như thế này: “Thời đức Phật còn tại thế, có một người tự cho mình là am hiểu nhiều điều, biết được nhiều điều và đọc rất nhiều sách vở, thông suốt mọi việc. Chính vì điều đó, ông ta sanh tâm công cao ngã mạn, không xem thiên hạ ra gì, suốt ngày đi tìm người để thi thố tài năng tranh luận hiểu biết. Nhưng đi hoài không thấy ai là đối thủ.

Ngày nọ, giữa ban ngày, ông ta đốt một cây

đuốc nghênh ngang đi vào chợ, mọi người ngạc nhiên hỏi, tại sao giữa ban ngày ông lại đốt đuốc?

Ông ta đáp: Vì thiên hạ ngu tối, có mắt mà không nhìn thấy ta, nên ta đốt để soi cho họ thấy. Xem ra khắp thế gian không ai thông minh bằng ta.

Hành động ngớ ngẩn đó đến tai đức Phật, thương cho người quá cống cao, ngã mạn, tâm hiếu thắng, ưa danh tiếng, không nghĩ đến cái hiện tại là cuộc sống vốn vô thường, và bên cạnh những đau khổ còn rất nhiều sự vi diệu, hạnh phúc giữa đời này.

Hiểu biết kiểu này thì chỉ có đọa đày tâm trí, đáng thương thay, nghĩ vậy đức Phật đã tùy duyên hóa độ, đến trước mặt người này. Ngài hỏi tại sao ông làm vậy? Ông ta đáp: Vì mọi người ngu tối, có mắt mà không thấy ta, ta là người thông thái và am hiểu mọi chuyện.

Đức Phật liền hỏi, vậy trong kinh sách có nói đến bốn pháp sáng suốt, ông có biết không? Ông ta trả lời không biết. Đức Phật nói, vậy ông hãy nghe đây.

1. Một là hiểu rõ thiên văn, địa lý điều hòa bốn mùa.
2. Hai hiểu rõ tinh tú, thông thạo ngũ hành.

3. Ba là hiểu rõ phương pháp trị nước an dân.
4. Bốn là hiểu rõ phương pháp lãnh đạo không sơ suất.

Ông ta nghe đức Phật nói xong, ngớ ngẩn liền bỏ đuốc xuống, lòng hổ thẹn chấp tay tỏ lòng kính phục. Nhân đó, đức Phật khuyên rằng những gì ông biết chỉ bằng hạt bụi bay giữa bầu trời rộng lớn này, hay chỉ là hạt cát nằm trong đại dương mênh mông.

Đúng là tích xưa, chuyện ngu si của người có tâm công cao ngã mạn, không biết lượng sức mình, học chưa tới nơi tới chốn, lại háo danh ngày xưa ngày xưa. Nhưng cho đến thời nay cũng lắm, không khéo cái ngu thời nay còn ngu hơn nữa.

Đức Phật tuyệt vời, Ngài vận dụng phương tiện quyền xảo để độ người, những người chỉ biết chuyện đời, Ngài nói chuyện đời. Thiên văn, địa lý, ngũ hành, trị nước, an dân... là những triết lý, lý thuyết, học thuyết nói đến sự vận hành vũ trụ của thế gian, học pháp thế gian. Nếu là người học đạo, Ngài sẽ dạy cách khác.

Sự vận hành của thời tiết, bốn mùa, của trăng sao... mưa gió hay nói chung là thế giới quan,

tất cả Ngài nói đều do nhân duyên hợp thành từ tứ đại, từ lục đại, từ vô số thứ. Cách kiến tạo hạnh phúc cho gia đình và xã hội, phương cách sống chung hòa hợp giữa người và đồng loại, xây dựng tập thể và tổ chức, chắc hẳn Ngài sẽ nói cho biết phép Lục hòa, Tứ nhiếp pháp, nói đến tâm Từ bi hỷ xả... tính khiêm cung v.v.

Như thế, cuộc đời này đâu chỉ là người có nhiều kiến thức, hay tri thức là có khả năng làm chủ được vận mệnh của mình, hay quốc gia, và có được hạnh phúc thực trong đời sống.

Bên cạnh kiến thức, tri thức đó phải có đạo đức, đức hạnh thì mới gọi là một con người thông thạo, có hiểu biết, có học thức là người văn minh mà chúng ta hay nói đến. Chưa nói, hạnh phúc hay làm chủ được vận mệnh của mình không phải chỉ có người có kiến thức, tri thức mà những người ít học họ vẫn có thể có hạnh phúc và họ có thể nắm được vận hành của nhân sinh và vũ trụ.

Có tri thức chưa hẳn là có học thức, có học thức chưa hẳn là có trọn niềm hạnh phúc. Hạnh phúc có từ sự hiểu biết chân chánh. Học ít học nhiều không quan trọng, quan trọng là hiểu một vấn đề gì cho rõ và sâu, cách học trong nhà Phật gọi là Tri và Hành. Cái biết đó phải được ứng dụng trong nguyên lý nhân quả, đồng thời và dị biệt.

Bình dân ngày xưa thường nói: Cao nhân tác hữu cao nhân trị. Ở đây cho chúng ta biết sở học thật là bao la, học hỏi không biết bao nhiêu cho đủ, người được học nhiều cần phải có tính khiêm cung, tính khiêm nhường và tính cầu học hoài không chán, mới xứng đáng làm Thầy của thiên hạ. Chưa tới đâu mà cho là đủ, tự sướng, tự xưng thì giống như người ngu kia không khác.

Đúng là đọc tích xưa, chuyện cũ không bao giờ chán, vì trong những tích xưa, chuyện cũ đó là những bài học sống động, thực tế, là kho tàng văn minh, văn hóa của nhân loại để lại, của cách thức học làm người đúng nghĩa, đúng với tinh thần tâm - vật bất khả phân ly, đôi khi dòng chảy kiến thức của nhân loại hôm nay khó thể sánh bằng.

TRỘN MỘT NIỀM TIN

Bác Huỳnh Sang tin Phật, nhà ở cạnh chùa Phật Tổ Thích Ca, thành phố Luzern-Thụy Sĩ. Phật tử với một niềm tin đơn thuần, theo truyền thống gia đình, mến yêu đạo, cảm tình với chùa và chư Tăng, niềm tin Phật của bác chưa đủ sâu để phát tâm tu tập.

Trong đời người, ai biết được điều gì xảy ra vào ngày mai, con người bị động bởi quy luật vô thường, còn mất bất thường, biến chuyển theo các pháp hành sanh diệt.

Bác Huỳnh Sang bị đột quy, tai biến, kết quả là ăn uống đi đứng khó khăn, nói năng không rõ ràng, thân thể yếu ớt. Không riêng bác Huỳnh Sang, hầu hết ai trường hợp này cũng rất khó bình phục.

Chùa tổ chức khóa tu Bát Quan Trai, nghe chư Tăng về hướng dẫn tu học, Bác nhờ con đưa qua chùa tham dự nghe pháp. Trong pháp thoại, chư Tăng có nói về năng lượng nhiệm màu của bốn thánh tích Phật giáo, đặc biệt là Bồ đề đạo tràng, thánh địa nơi đức Phật Thích Ca thành đạo, đã có rất nhiều người đến đánh lễ

nơi đây, thành tựu sở nguyện và niềm tin tăng trưởng, phát tâm tu học. Tiếp thu được năng lượng nhiệm màu đó, rất nhiều người thành tựu được nhiều điều tưởng chừng như không thể, lại có thể xảy ra.

Bác nghe vậy, phát nguyện đến xứ Ấn Độ, trú xứ của đức Phật thị hiện giữa cuộc đời, với một sự cố gắng lớn, vì thân thể đang bệnh tật, di chuyển hết sức khó khăn, nhưt là đất nước này vào thế kỷ trước, những năm trong thập niên 90, không phải thuận lợi như hiện nay.

Chỉ với một niềm tin lớn, một sức cầu nguyện lớn, bác nghĩ nếu đúng như lời của Thầy nói, bản thể của chư Phật hiện hữu giữa cuộc đời thì xin chứng giám cho lời phát nguyện của con: Đến Bồ đề đạo tràng bác đồng mãnh phát nguyện từ giờ phút này sẽ nỗ lực tu tập để vượt thắng bệnh tật. Nếu tật bệnh của con được thuyên giảm, phần đời còn lại con xin nguyện tận tụy phục vụ đạo pháp và chúng sanh, suốt thời gian tu tập tại Bồ đề đạo tràng, ngày đêm bác thành tâm phát nguyện như thế.

Sau khi từ Ấn Độ trở về, vẫn theo chế độ điều trị, thuốc men, vật lý trị liệu của bác sĩ, bệnh tình của bác hồi phục rất nhanh, mọi thứ được trở lại như bình thường, thân thể khỏe mạnh đi đứng

nhanh lẹ, tinh thần tỉnh táo hăng say, đầu óc sáng suốt, tựa như trước đây chưa có bệnh tật.

Từ đó, Bác đã dành hết thời gian phục vụ và tận tụy với Phật sự, kiên định trong tu học, làm lợi ích cho nhiều người, nhất là những người lâm vào bệnh tật. Với năng lượng Bác thực tập, học từ pháp chữa bệnh bằng nhân điện, không những người Việt tìm đến Bác, còn có rất nhiều người bản xứ tìm đến để chữa bệnh, những căn bệnh mà giới y- bác sĩ khó chữa trị.

Đây là lời Bác Huỳnh Sang đã kể cho tôi, và đại chúng trong một khóa tu tại chùa Phật Tổ Thích Ca nghe. Cách đây gần 15 năm, điều này cho chúng ta thêm bài học về niềm tin lớn. Phép màu luôn hiện hữu quanh ta và xung quanh đời sống. Phép màu không gì khác hơn chính là niềm tin trọn vẹn vào một mục tiêu mình hướng đến.

Niềm tin của con người là sức mạnh có thể tạo ra và có thể chuyển hóa những điều cứ tưởng không thể, không chuyển hóa được. Phép màu không gì khác chính là những nhận thức sâu thẳm đứng bên ngoài kiến thức, sự hiểu biết mỗ xẻ tình thương của con người.

Tri thức của nhân loại là một phân dãy lập trình kiến thức có sẵn bởi tâm thức, chứa đựng

rất nhiều định kiến, khó với tới những gì thuộc về vô thức và niềm tin chân chánh của con người.

Phép màu cũng không hẳn là một ẩn số, huyền bí, chỉ khác là có người chạm tới và người khác thì chưa. Từ đó, phép màu thuộc về hư hư thực thực, không ai phủ nhận những phép màu đang có mặt đó đây giữa đời sống hằng ngày.

Hơn thế nữa, nếu chúng ta hiểu sự màu nhiệm có chức năng chuyển động tâm thức của con người, phần lớn có thể hướng tâm chúng sanh chuyển từ mê sang ngộ, củng cố nhận thức và niềm tin để thành tựu hành động thiện lành của mình, thì sự màu nhiệm luôn được ghi nhận và trân quý hơn bao giờ hết, và chính là điều trong chúng ta ai cũng muốn tìm kiếm.

Cuộc đời này thiết nghĩ, cần rất nhiều sự màu nhiệm, phép màu để xoay chuyển đời sống của con người, âu đó là sự cần thiết để con người có một niềm tin và hơn thế là niềm tin chân chánh.

GIÀU ĐỂ LÀM GÌ

Trời! Giàu có để sống chứ làm gì? Giàu sang, nhiều tiền của để có đời sống thoải mái chứ để làm gì? Điều này ai cũng biết và ai cũng muốn hết. Có ai sinh ra đời muốn mình cực khổ và bị cực khổ đâu? Nhưng, có chứ. Những kẻ làm biếng, những người không có nhiều cơ hội tốt trong đời sống, danh từ nhà Phật gọi là vô duyên, hay thiếu thiện duyên, và hơn thế nữa những kẻ có nhận thức yếu kém, sai lệch về quan niệm sống, những hạng người này đời sống của có nhiều bi cực.

Thông thường, và bình thường thì sự giàu nghèo là so sánh giữa người có nhiều tiền của, tài sản và kẻ ít tiền của, lấy vật chất làm thước đo. Nhưng, đạo học thì lấy cái Tâm của con người làm thước đo, sự giàu nghèo, phong phú về tâm linh, giàu tình nhiều nghĩa. Có nhiều người rất giàu, nhưng không dám ăn, dám mặc, không dám xài, không dám cho... chia sẻ. Còn có người vừa đủ nhưng biết ăn, biết xài, biết chia sẻ và biết hưởng thụ. Giàu có, dư tiền của mà không dám cho những kẻ bần cùng, nghèo khó một đồng, biết chia sẻ cho những người thiếu thốn đến cầu xin mình, thì đó chẳng phải giàu, giàu có từ cái

tâm và sự nhận thức của con người chứ không phải dựa trên của cải vật chất.

Người làm ra tiền mà không biết tiêu dùng, biết hưởng thụ, biết sử dụng đồng tiền đúng nghĩa thì giàu để làm gì? Con người sinh ra để sống. Muốn có được đời sống ấm no thì phải làm việc. Chứ không phải con người sinh ra để làm việc. Làm việc là phụ, sống là chính.

Hạnh phúc mà chúng ta đang mong cầu, là sống có ý nghĩa, sống tốt, sống khỏe, sống an nhàn. Cũng vậy, ăn uống để mà sống chứ không phải sống để mà ăn, ý đó là vậy. Chỉ có vậy thôi. Nhưng khổ nỗi rất nhiều người không thấu đạt ý nghĩa này, nên cứ lo làm quên ăn, cày bừa suốt ngày, không có được thời gian cho mình, cho gia đình, cho sự sống, để có được nhiều tiền và để giữ đó làm của, còn tinh thần thì không chăm sóc, nghèo nàn và lạc hậu. Cuối cùng, uổng phí cả một đời người, vì chết không mang theo được gì, ngay cái thân xem là quý báu này cũng phải bỏ.

Giàu để làm gì? Giàu có hôm nay để ngày mai vào tù ra tội. Giàu để đêm về suy đi tính lại không thể có giấc ngủ ngon. Giàu để không có nhiều bữa ăn ấm cúng cho gia đình, vợ chồng, con cái, không có được sự bình an trong ngôi nhà

nhỏ của mình, không có được thời gian để làm những việc ích lợi, không có được thời gian để chăm sóc dạy dỗ con cái, để rồi con hư đốn, vậy làm giàu và được giàu như thế có ích gì. Xã hội hôm nay, người giàu như thế rất nhiều và rơi vào trường hợp như thế cũng không ít, đó là hậu quả của kinh tế thị trường, của một đời sống mà con người lấy vật chất làm thước đo giá trị, tôn vinh sự hào nhoáng của những cái ngoài thân.

Đức Phật là một nhà tu hành, một con người giác ngộ, một con người vô cùng hạnh phúc, bởi Ngài dám xả ly tất cả để đạt được hạnh phúc ngay trong đời sống này, và hướng dẫn có được một đời sống hạnh phúc đến cho người khác. Nhưng chính Ngài, không bao giờ khuyên mọi người không làm gì hết, chỉ lo tu, tu cũng phải làm việc. Tu sĩ làm việc để giúp đời, cư sĩ phải làm kinh tế, phải làm việc để tạo ra của cải để có một đời sống bình an, không thiếu thốn, giúp người. Chúng ta hãy học cách Ngài dạy làm việc và làm kinh tế chân chánh.

NHỚ LỜI CHA DẶN

Trong chôn hữu tình, thế gian này, gia đình nào, cha mẹ nào cũng đều có những lời căn dặn con cái trong bất cứ thời gian khi còn sanh tiền, đặc biệt những lời dặn dò vào những thời điểm quan trọng, thường nói là di ngôn, trước lúc cha mẹ đã đến tuổi xế chiều. Xem như đó là những nghĩa vụ mà bậc làm cha mẹ đã thực hiện.

Tuy nhiên, các người con lắng nghe, gìn giữ và thực hành được những lời chỉ dạy như thế, không phải chuyện đơn giản, bởi có rất nhiều biến thiên, theo thời gian, hoàn cảnh và tùy thuộc vào lòng hiếu đạo, của các người con. Dĩ nhiên, ở đây chúng ta bàn đến những lời dặn dò mang tính chất đại sự, và thuận theo tinh thần đạo lý, có thể gìn giữ được gia nếp, và phù hợp với căn cơ của mỗi người.

Trong kinh Pháp Cú Thí dụ, có câu chuyện được tóm tắt như sau¹:

“Khi đức Phật còn tại thế, trưởng giả Tu Đà

¹ *Phỏng theo Lời Di Huấn Của Cha, Kinh Pháp Cú Thí Dụ, Thích Thiện Thuận - Thích Nguyên Trang dịch, NXB Hồng Đức, trang 45.*

La thành kính Tam bảo, Ông ta có phát nguyện mỗi năm vào ngày mừng 08 tháng chạp sẽ thỉnh Phật và Tăng về tư thất để cúng dường, và đây là một thường lệ mà các con cháu ông sẽ tiếp tục gìn giữ sau khi ông mất.

Người con trai ông tên là Tỳ La Đà về sau không tiếp nối được gia sản của cha, mỗi ngày rơi vào gia cảnh khó khăn thiếu thốn.

Sắp đến ngày cúng dường, mừng 08 tháng Chạp, đức Phật cử Ngài Mục Kiền Liên đến gia đình ông Tỳ La Đà, hỏi gia đình ông đã chuẩn bị gì chưa, có thỉnh Phật và Chư Tăng đến cúng dường, theo di ngôn của cha ông?

Tỳ La Đà đáp:

Thưa Tôn giả! Lời dặn dò của cha con trước khi mất, chúng con không dám quên, chỉ mong đức Thế tôn và Chư Tăng vào giờ ngọ ngày mừng 08 hãy quang lâm tộ xá của chúng con.

Tôn giả Mục Kiền Liên trở về thưa với đức Phật như vậy.

Nghèo quá, để có tiền cúng dường, Tỳ La Đà đã mang vợ con đi thế chấp lấy 1000 lượng vàng, rồi sắm sửa phẩm vật để cúng dường. Đức Phật

và Chư Tăng đến dự, được cúng dường Tỳ La Đà vô cùng hoan hỷ và không chút hối hận.

Nửa đêm hôm đó, những hòm kho đựng tài sản của gia đình xưa nay trống rỗng, bỗng nhiên đầy ắp của cải. Sáng sớm Tỳ La Đà thấy vậy, trong lòng vừa mừng, vừa lo không biết của cải này từ đâu, sợ mang họa vào người.

Tỳ La Đà liền đến hỏi Phật. Đức Phật bảo con hãy yên tâm.

Ngài dạy: Con có lòng tin vững chắc không trái lời cha dạy; có giữ giới; biết hổ thẹn; dù chết cũng không thay đổi; Với lại con là người có hiểu biết, biết bố thí, có trí tuệ, nên có đủ thất tài. Tất cả những tài sản đó đều do phước đức chiêu cảm, chứ không phải là tai họa. Người trí biết tu hành thì bất luận là nam hay nữ, sanh ra bất cứ nơi đâu đều có phước báo tự nhiên hiện đến”.

Đức Phật đã từng nói: **“Phước đức lớn nhất là hiếu thuận, tội chướng lớn nhất là bất hiếu”**. Dù con người ở địa vị, thời gian nào, hoàn cảnh và bất luận giai tầng xã hội nào, đều lấy hiếu thuận làm đầu.

Bởi lẽ, suy tận cùng gốc ngọn, con người khi được hiện hữu, cho đến trưởng thành tất cả đều

xuất phát từ cha và mẹ. Con người hiện hữu và có được tất cả gần như trong đời này để thấy, bắt đầu từ máu mủ, mồ hôi, nước mắt và tâm can của cha và mẹ cấu thành nên. Công ơn đó thật to lớn không gì so sánh bằng, người có hiểu biết gói gọn những ân tình nghĩa trọng đó trong một tuyệt ngôn: **“Khả tính vô biên của tình thương”**.

Chúng ta có là gì chẳng nữa ở giữa xã hội này, mà hiểu đạo không vuông tròn, thì người ấy đã mất đi rất nhiều địa vị của mình đang có, cho đến địa vị được làm người cũng có thể mất. Bởi, người xưa đã từng suy nghiệm rằng: **“Cha mẹ còn chưa có thể phụng dưỡng được thì người đó không có tâm để phụng sự cho người khác”**.

Có hiểu là có phước. Người có hiểu biết thì người có thể làm tròn chữ hiếu, vì chính họ hiểu được tận nguồn cơn của dòng chảy tri thức mà con người gom lại, tất cả trong một sự tương quan tương duyên, trùng trùng kết nối với nhau, không thể tách rời.

Người có phước thì có chiêm cảm, sự chiêm cảm với những thuận phước, thắng phước và sanh phước. Phước sanh từ hiểu biết, từ niềm tin sáng tỏ, từ sự sống có quan sát cả bằng mắt và trái tim, từ sự biết chia sẻ trong cái tương quan, và đi trong một trật tự, đó là Đạo.

Ngược lại, không hiểu thì không có phước. Phước và tội là tính chất bất phân ly; là sự hình thành phân cách rõ nét trong đời sống của con người: Nghèo và giàu; Hạnh phúc và bất hạnh; Đẹp và xấu; Sang và hèn; May mắn và không may mắn... tất cả là biểu hiện, kết quả kết tinh của Tội và Phước.

Do vậy, đức Phật nói dù bất luận là nam hay nữ biết tu hành thì sanh ra bất cứ nơi đâu, nếu có phước báo thì tự nhiên mọi sự được hanh thông, và được chiêu cảm bởi phước báo. Và ngược lại thiếu tu, thiếu phước chắc chắn kết quả chiêu cảm cũng thế đó là tội chướng, nghiệp chướng và vô vàn sự bất hạnh.

Người có tu, có phước theo kinh nói, đó là người đã và đang có thất tài. Thất tài là bảy loại pháp tài. Bảy loại pháp tài này có công năng trợ giúp việc cải tạo tội thành phước, từ mê muội thành hiền triết và cho đến phàm phu thành thánh nhơn. Đó là, Tín- Giới- Tàm- Quý- Văn- Thí và Huệ².

² Tín là niềm tin; Giới là giới pháp; Tàm là biết xấu hổ với chính mình; Quý là biết hổ thẹn với người; Văn là nghe, biết lắng nghe, học rộng; Thí là bố thí và Huệ là trí tuệ.

Kệ rằng:

Niềm tin và giới hạnh

Hổ mình, thẹn với người

Học rộng, bố thí, huệ

Đó là bảy thánh tài.

Nhờ tín giữ giới hạnh

Quán các pháp thanh tịnh

Dùng trí huệ thực hành

Vâng lời dạy không quên.

Sống có bảy thánh tài

Dù là nam hay nữ

Trọn đời chẳng nghèo đói

Bạc hiện thấy chân tâm.

TỰ PHÒNG HỘ HAY KHÔNG TỰ PHÒNG HỘ

Môi trường, nơi đó sự nguy hiểm luôn đe dọa con người từ nhiều khía cạnh trong đời sống, buộc con người phải tìm cách tự bảo vệ lấy mình, đó cũng là một quy luật tự nhiên, nhưng để bảo vệ lấy mình sao cho đúng, thì cần phải học và tĩnh tâm. Từ miếng ăn, giấc ngủ, sự đi lại và muôn mặt trong đời sống, giao tiếp, từ gia đình nhỏ đi ra đến một xã hội lớn.

Có được sự bình an trong tâm hồn và được hưởng không khí trong lành của môi trường sống là sự khát khao của con người, nếu không muốn nói đây là ước mơ lớn nhất của tất cả các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, yếu tố quyết định hạnh phúc và sự sống ấy, không phải lúc nào cũng hiện diện trong đời sống con người.

Do vậy, sự phòng hộ thuộc bản năng là một yếu tố tất yếu phải có và được con người đẩy mạnh lên thành cao trào và phạm vi rộng, trong đó bao hàm cả sự phòng hộ chính đáng và không chính đáng; phòng hộ đúng nghĩa hay phòng hộ không đúng nghĩa, chúng được lưu xuất từ tâm-ý-thức

con người. Với tâm thức giận dữ, chán ghét, mất lòng tin vào pháp luật, sự phòng hộ cá nhân bộc phát, phòng hộ tập thể dẫn đến tiêu cực, không chính đáng.

Người lái xe khi gặp cảnh sát, cảnh sát gặp người lái xe không bình thường, hay không tuân thủ luật giao thông, cả hai đều phòng hộ, bảo vệ lấy mình không chính đáng thì sẽ dẫn đến tù tội.

Cha mẹ phòng hộ để gìn giữ con cái khỏi bị xâm phạm, con nhỏ thì sợ bị những kẻ ấu dâm, con lớn thì sợ chúng lâm vào tệ nạn xã hội bởi sự lôi kéo của bạn bè. Người có tài sản cũng phải phòng hộ kẻ cướp giật. Nhà và đất ở, đất canh tác cũng phải gìn giữ, âu lo không biết lúc nào phải di dời. Người đánh cá thì sợ kẻ lạ đâm thủng tàu bè. Ôi! Quá nhiều hiện tượng không thể kể hết, chúng đang tràn lan khắp nơi, trong đời sống con người hiện nay, giờ nào cũng có, ngày nào cũng thế, như bóng ma lớn đang bao trùm xã hội này trong sự ảm hiện.

Với tinh thần tỉnh thức, hiểu như thế nào là sự tự hộ khôn khéo để tránh nạn..., chúng ta hãy nghe đức Phật hướng dẫn cách tự phòng hộ yên ổn, cách nay hơn hai ngàn năm trước, được ghi nhận trong kinh Tạp A Hàm, thuộc kinh Tự hộ: "... Nếu người nào thân hành ác hạnh,

khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là không tự hộ, mà nói là hay tự phòng hộ. Tuy nói là tự phòng hộ bằng quân voi, ngựa, xe (thời này có thể thêm vào, bằng vũ lực, sức mạnh, vũ khí, pháp luật...) dùng chúng để tự phòng hộ, nhưng thực ra không tự phòng hộ. Vì sao? Vì tuy phòng hộ bên ngoài, nhưng không phòng hộ bên trong. Cho nên, đó gọi là không tự phòng hộ.

Ngược lại, nếu người thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này là tự phòng hộ. Tuy họ không dùng quân voi, ngựa, xe (thời này có thể thêm vào, bằng vũ lực, sức mạnh, vũ khí, pháp luật...), để tự phòng hộ, nhưng thực ra là tự phòng hộ. Vì sao? Vì phòng hộ bên trong. Đó gọi là khéo tự phòng hộ, chẳng cần phòng hộ bên ngoài...”.

Đây là lời dạy của bậc minh triết về sự phòng hộ chính đáng được tóm tắt. Phải phòng hộ, đó là cách tự bảo vệ lấy mình, nhưng bảo vệ làm sao không để sự phiền phức nổi theo là điều đáng lưu tâm cho tất cả chúng ta ngày hôm nay.

Sự phòng hộ chính đáng được pháp luật cho phép có văn bản, hay tục lệ truyền khẩu, những điều sai trái cứ thực hiện lặp lại thành thói quen, thành phải (Tập Phi Thành Thị), đều dẫn đến

nhiều hệ lụy tiêu cực kéo theo, bởi bản chất của sự quy nạp này. Sự tự biến từ tâm thức của con người, những nhà làm luật (lập pháp) để điều chỉnh một mô hình xã hội với nhiều loại nhận thức khác nhau, biến theo thời gian, luôn không là đặc thù và hoàn hảo. Như vậy, ý thức của tự mỗi con người trong chức năng phòng hộ này rất cần thiết, có khả dĩ đóng góp vào sự bình an trong đời sống và hướng đến xây dựng một môi trường sống tốt.

Ý thức của mỗi người. Không cần chúng ta phải nhắc lại vì gia đình và trường lớp đã hướng dẫn, mỗi người trong xã hội là một cá thể, sự độc lập tạo nên một dòng tập thể loài người. Đất nước hay quốc gia là tính đến một tập thể con người đang sống trong đó, chứ không phải là một cá thể.

Mỗi người tự có một địa vị và vai trò khác nhau trong nhiều tầng lớp và khía cạnh xã hội. Tuy nhiên, môi trường sống là cái chung, sự sống là tổng thể. Vậy ai cũng phải có trách nhiệm và không ai có thể tự thờ ơ. Người xưa đã nói: **“*Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách*”** nghĩa là sự thịnh suy của một quốc gia, ngay kẻ tầm thường cũng phải có trách nhiệm.

Đừng nên nghĩ rằng, lo cho môi trường sống, đó là chuyện của người khác, chuyện của người

có trách nhiệm, chẳng phải chuyện của mình. Người nào nghĩ không phải chuyện của mình thì cũng đừng nên than vãn, chê bai, đòi hỏi và yêu sách. Bão tố đến, mưa gió đến có chừa ai? Đâu phải chỉ đến với những người có trách nhiệm, thiên tai đến với tất cả mọi người, vậy người phá hoại môi trường sống có chạy thoát nhân quả của chúng? Ai cũng phải gánh chịu hậu quả thiên tai, bởi vì đây là môi trường chung, nhân quả chung.

Nghĩ đến tự phòng hộ chính đáng của chính mình, chính là tự ý thức và sống có trách nhiệm của mỗi người. Hạnh phúc, sự an bình sẽ không có mặt khi con người chỉ biết sống cho chính mình, còn cái gì thuộc bên ngoài, của người thì phá hủy.

Sự tự phòng hộ bên trong chính là sức mạnh; Là nền tảng của tất cả sự phòng hộ. Bảo vệ quan điểm mình chạy xe đúng luật, bằng lời nói chửi bới, bằng hành vi bất hợp tác, bằng tâm thức ý quyền, ý lại địa vị, dẫn đến ùn tắc giao thông, dẫn đến hệ quả khinh miệt của số đông quần chúng. Cho mình một địa vị được phán xét kẻ khác, ý thức “*cái quyền*” thiếu quyền bình đẳng, người có quyền cũng chết, bởi vì ai cũng có quyền, quyền được tung cho chết ai bảo cản đường.

Tất cả những hiện tượng xảy ra trong xã hội hiện nay, con người đang nhận thức, nó đang

liên tục diễn ra, bởi vì, tâm thức tự phòng hộ bên ngoài quá nhiều, quên mất đi sự phòng hộ bên trong mới chính đáng, dù nghĩ, nói là tự phòng hộ nhưng không hề có sự tự phòng hộ. Như đức Phật đã khẳng định từ lâu.

Không bao giờ hết cho ý tưởng tự bảo vệ hiện nay, là sự ước muốn tất cả chúng ta, hãy suy nghiệm lại cách tự bảo vệ chính mình, gia đình mình và đất nước mình cho chính đáng, hợp lý, để mong rằng chúng ta sống có một môi trường tốt, ta và con cháu chúng ta không có quá nhiều lo âu và sợ hãi khi đang sống.

Hạnh phúc có được từ những sự tự ý thức nhỏ này. Những giọt nước nhỏ theo thời gian cũng sẽ làm tràn đầy lu nước. Cũng thế, sống với ý thức nhỏ này, tương lai sẽ có một môi trường tốt đẹp.

CHÁY - CHÁY CẢ TÂM HỒN

Trong lúc mọi người đang tập nập công việc cho những ngày cuối năm, tưởng chừng đâu những gì của năm cũ cũng đã và đang được thu vén, để chuẩn bị cho cái Tết truyền thống và một năm mới được mới hơn. Không ngờ, ngọn lửa rực đỏ làm náo loạn cả thành phố Nha Trang vốn yên bình càng bình yên hơn khi trời đã bước vào khuya. Ước chừng 9 giờ 30 tối ngày 17 tháng 01 năm 2017, sự hoảng loạn của mấy trăm con người trong lửa đỏ rực một góc trời tại xóm cồn Nhất Trí, càng khủng hoảng hơn cho cả người già, nam nữ, lẫn trẻ em và người lớn, tìm đường thoát nạn, trên người chỉ một bộ đồ đang bận, ngoài ra tất cả chỉ còn hai bàn tay trắng, không gì khác hơn.

Có hơn 70 căn nhà của dân xóm cồn vào buổi sáng 18 tháng 01 đã thành tro bụi, để lại sự trống trải cả một góc phố. Tất cả đã bị thiêu cháy - cháy cả tâm hồn. Tài sản, tiền bạc, áo quần luôn cả ước mơ và hoài bão trong tích tắc bị thiêu đốt, chỉ trong khoảng 5 tiếng đồng hồ, hơn 400 nhân khẩu bây giờ phải tìm chỗ ở nơi ăn trong dịp xuân về.

Cháy - Không chỉ những dân xóm cùn Nhất Trí bị thiêu đốt, bị khổ sở. Cả người dân Khánh Hòa, chính quyền và nhân dân trên cả nước tâm hồn cũng đang bị thiêu đốt. Thiêu đốt trong sự khổ đau, của hậu quả do hỏa hoạn gây ra mà đồng bào xóm cùn Nhất Trí đang gánh chịu.

Khổ nạn bởi sự nghèo đói, thiếu thốn càng thiếu thốn hơn, chắc chắn sự sống bất an của người dân xóm cùn Nhất trí sẽ còn tiếp diễn, âu cũng bởi nguyên nhân từ cái nghèo, cái khó kéo dài đặng đặng và bởi một kiếp làm người. Một khu xóm đa phần là người dân nghèo, lao động chân tay kiếm sống đủ qua ngày, sống chen chúc lẫn nhau, nhà này dựa vách nhà kia nối dài, phần lớn là ván tạp, gỗ dầu, èo uột, chật hẹp, do vậy khi ngọn lửa ở tại một ngôi nhà bùng phát thì dễ dàng lan tỏa thành ngọn lửa lớn, lan nhanh không kịp trở tay.

Cái này sanh thì cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia diệt. Cái này cháy thì cái kia cháy, cái này bị thiêu rụi thì cái kia cũng bị thiêu rụi, trong nguyên lý trùng trùng duyên sanh của vạn pháp, đức Phật đã thuyết minh. Chúng ta lắng lòng nhìn sâu, trông kỹ thì nguyên nhân và kết quả cũng đã có sẵn, về nét họa xóm cùn Nhất Trí là một dấu chấm cảnh giác trong một bức tranh lớn của thành phố Nha Trang.

Sao không thể thấy được, trong một môi trường sống như vậy, nhiều người sống chung trong một ngôi nhà chật hẹp thiếu tiện nghi, bao nhiêu căn nhà nằm trong một khu xóm thiếu không gian để thở, xe ra vào khó khăn, xe cứu hỏa có hiện đại, phương tiện dù đủ nhưng vẫn bất lực vì thiếu lối vào.

Những nhà quản lý nhà nước, các cấp chính quyền địa phương đã từng hoạch định, người sống ở ngoài khu xóm còn Nhất Trí đã thấy, người dân đang ở trong đó đã biết. Vậy mà tại sao vẫn sống, vẫn thờ ơ, vẫn vô tâm, vẫn chấp nhận những rủi ro lớn dễ dàng xảy ra không biết khi nào? Phải chăng nghèo? Thiếu thốn! Không đủ điều kiện! Nghèo cái Tâm và Tâm của cá nhân, cộng đồng, xã hội.

Nơi này cháy thì nơi kia cũng sẽ cháy. Vụ cháy tại xóm còn Nhất Trí ở thành phố Nha trang là một tiếng báo động lớn, sẽ còn nhiều nơi có “kiểu sống” tương tự sẽ cháy, cháy nữa. Con người sẽ tiếp tục cháy cả tâm hồn.

Qua vụ cháy của xóm còn Nhất Trí, chúng tôi thiết nghĩ đó là tiếng trống thức tỉnh, bài học cảnh thức được lặp lại, trong con người và thế giới, trong môi trường và xã hội được kết nối bởi sự tương quan tương duyên chằng chịt với nhau.

Người dân chúng ta phải suy nghĩ, các nhà lãnh đạo quốc gia, các cấp chính quyền và các nhà quản lý xã hội phải suy nghĩ và có trách nhiệm, có tiếng nói, tất cả chúng ta phải có chung cái nhìn, nhìn xa trông rộng. Nhìn trong sự tương thân tương trợ, sự giải quyết hậu quả luôn luôn vẫn thiệt hại to lớn hơn sự đầu tư yếu kém ban đầu.

Giải quyết nguyên nhân vẫn gọn gàng, và khôn khéo hơn giải quyết kết quả, chưa nói hậu quả của nguyên nhân xã hội luôn luôn là cấp số nhân. Nhà cháy không phải chỉ dựng lại nhà là xong, mà phải còn giải quyết bao nhiêu chuyện trong cuộc đời, và muôn trùng sự nối kéo theo.

Bên cạnh sự bất hạnh của người dân xóm cồn Nhất Trí, chúng tôi vẫn còn niềm tin và vui mừng, vào những ngày cuối năm, mọi người ai cũng tất bật với công việc, gia đình nhưng tình thương người như thể thương thân, giúp người trong lúc hoạn nạn, tinh thần nhường cơm sẻ áo của dân tộc ta rất lớn.

Chỉ hai ngày sau khi vụ hỏa hoạn xảy ra, chính quyền đã kịp thời chu toàn nơi ăn chốn ở dù tạm thời cho những nạn nhân, trợ cấp, hỗ trợ không những vài ngày và rất nhiều ngày tiếp theo. Các tổ chức, các hội từ thiện, bà con đồng bào và

chức sắc các tôn giáo đã lên phương án cứu trợ, động viên, sẻ chia vật chất đến tinh thần. Thật là, đáng quý biết bao. Ấu đó, cũng là trách nhiệm chung trong tinh thần và quy luật tương quan tương duyên.

Tuy nhiên, biện pháp tạm thời cũng mãi là biện pháp tạm thời. Con người và đời sống con người là lâu dài chứ không thể cứ giải quyết tạm thời là xong. Vậy thì, đất nước chúng ta còn bao nhiêu xóm chài, xóm nghèo và xóm còn sống tạm bợ chen chúc như vậy nữa, hãy mạnh dạn và dám bỏ đi những cái cũ, cái nghèo, cái chỗ tạm thời để tạo dựng một nơi ăn chốn ở cho bền vững, an ổn.

Sự nghiệp xây dựng con người và đất nước đẹp, sáng, bền vững, ấm no và thịnh vượng không thể chỉ dành cho những người có trách nhiệm, mà chính là trách nhiệm của mỗi cá nhân trong cộng đồng sống chung, mặc dầu tính quyết định cũng phải từ cá nhân và của mỗi gia đình, mong rằng các cấp chính quyền hãy có những phương án tốt hơn. Người xưa đã từng dạy chúng ta rằng: *“Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách”* Nghĩa là sự thịnh suy của một quốc gia, ngay kẻ tầm thường cũng phải có trách nhiệm.

Năm mới ý thức mới - Chúng ta cùng cầu nguyện cho những đồng bào nạn nhân vụ cháy

được sớm lấy lại bình an, và gửi lời kêu gọi tất cả chúng ta hãy chung tay xây dựng một gia đình và xã hội mới theo hướng bền vững.

Nha Trang, những ngày cuối năm

ÔNG VUA VÀ NHỮNG TRƯA HÈ NẮNG GẮT

Như mọi lần khác, đến chùa Già Lam, lúc thì nghiêm trang như một tín đồ ngoan đạo, nhưng không thiếu phần hời hả. Trong lòng trắc ẩn một điều gì đã quên, Bùi tiên sinh cần một quyển sách của Trẫm, Đại sư nào có đưa xem?

Lúc thì hiện thân một ông Hoàng có ngai vàng, vương miện, chiếc ngai ba bánh và chỉ với một tùy tùng hộ vệ đó là bác xích lô, trên đầu thì ông Hoàng đội vương miện rơm rác. Đến nơi ông Vua này chỉ có một Thánh chỉ: ***“Đại sư nào đưa Trẫm ít tiền cho thàng tùy tùng”***. Rồi cười khà, ngất nghểu, vu vơ khoác lác phun vài “giọt máu” tặng đời.

Khi thì giận dữ chửi bới lung tung, Phật cũng chẳng tha, thì tha thàng nào? Ông Vua này chẳng cần biết ta là vua và kẻ nào là thần dân, chỉ biết: ***“Ta là ta từ thuở nào”***.

Thế nhưng, có một buổi trưa hè ấy Bùi Giáng đích thị Bùi Giáng, chẳng phải vua, phải khùng... vẫn những bước chân đi chậm rãi, không biết lúc

ấy có ai ngạc nhiên với thái độ thật khác thường và thận trọng, thái độ ấy hòa lẫn với sự tịch tĩnh trong giờ nghỉ của Chư Tăng, tạo nên một không khí đàng hoàng cho Bùi Giáng.

Ngạc nhiên quá! Trước mặt mình là một ông già vô sản, không phải là một ông già điền như mọi người thường bảo.

Bác Bùi nói: Tôi bỏ thuốc rồi thầy ạ!

Khi tôi mời bác điếu thuốc.

- Lúc này bệnh lắm không hút thuốc nữa.

Tôi mời ly rượu bác bảo:

- Được! Cái này còn lai rai.

Cũng như mọi ngày gặp nhau, Tôi và Bác nói chuyện Đông Tây, chuyện của Nguyễn Du, thân phận của Thúy Kiều, chuyện của Huy Cận, Tố Hữu, Phùng Khánh. Một trong Tứ Mẫu của Bác v.v. và những gì tôi chưa rõ. Huyền thuyên sau đó Bác kể:

- Thầy biết không? Hôm qua tình cờ tôi đi nghêu ngao giữa đường, bỗng có một phụ nữ rất xinh, rất sang trọng mời tôi vào quán uống một ly nước, giới thiệu là học trò cũ của tôi.

Vui vui tôi hỏi cô ta:

- Lúc này con đang làm gì? Nó trả lời:
- Dạ! Con đang làm Giám đốc một Công ty.

Chợt nhớ, tôi mới hỏi nó:

- Con có biết đức Khổng Tử trước khi chết dạy lại cho học trò của mình điều gì không? Nó quên mất.

Tôi mới nói là đức Khổng Tử dạy rằng:

“*Tu Vô Tà*”, nghĩa là đừng có suy nghĩ tâm bậy.

Thế mà, bây giờ con người nó không thực hiện được, không học hỏi gì được từ cha ông nó cả, nó lại “*Tà Vô Tu*”.

Nói đến đó, Bùi tiên sinh cười to, động cửa Thiên. Sau đó ông ta im lặng một cách đáng sợ. Không nói gì hết và Tôi cũng chẳng biết ông đang nghĩ gì.

Bỗng nhiên, Bác Bùi đứng dậy móc sau lưng quần quyền vớ cũ kỹ ném vào tôi: Cho Đại sư đây! Máy bài thơ viết cho mấy đứa nhỏ gần nhà của Trẫm, rồi đi luôn.

Thật đáng thương! Khi tôi nhận quyền vớ, nó tan nát chỉ còn lại vài đôi giấy, thương hơn nữa những nét chữ vòng vèo cho trẻ con thật là trẻ con và thậm thía hơn nữa là tấm lòng của Bác.

Một điều làm tôi suy nghĩ trong những bài thơ cho trẻ ấy, có một bài thơ thật triết lý và gần gũi đề tài Bác đang nói với Tôi, có nghĩa là cùng dòng suy nghĩ đó nó ray rứt Bác, làm Bác tỉnh lại:

HIỆN TÌNH

*Hiện tình hiện tại hành tung
Con làm sao rõ điệp trùng tương lai
Giữa trưa ông khóc tuyệt tòi
Giữa khuya ông khóc muôn ngày muôn đêm
Muôn đau đớn muôn êm đêm
Muôn ngày gió lộng, muôn đêm nguyệt ngà
Muôn người – muôn cõi người ta
Có bao giờ biết con là là ai*

Đọc xong bài thơ, Tôi thăm nghĩ khùng kiêu này thì làm vua chắc, Vua khùng – Vua của đám mộng mị.

Khùng để lo chuyện thế sự à!?

Khùng để nói những gì đáng nói, muốn nói.

Khùng để suy nghiệm một hướng tương lai của một hiện tại đang bày ra đấy.

Khùng để âm thầm dạy cho đàn trẻ những ý tưởng trong sáng của cuộc đời bụi bặm.

Khùng để răn đời bằng lời xưa để lại.

Nếu khùng như vậy cũng nên khùng và mọi người nên bắt chước cái khùng ấy.

Bắt chước cái vô sản, cái nghèo nàn mà ông Vua Khùng thể hiện ngay đời sống của mình.

Tôi không là gì đối với sự hiểu biết bác học của Bác. Tôi chỉ thắc mắc, tại sao Bác hay gọi Bác là Vua, xưng hô là Trẫm với người khác.

Bác bảo:

Làm vua thì trong con người ai cũng muốn. Tôi cũng muốn làm vua, mặc dầu có là Vua khùng cũng là vua.

Câu chuyện đến đây chấm dứt, Bác đứng dậy đi tuốt không nói thêm điều gì. Tôi và Bác chia tay, vẫn trong trưa hè nắng gắt.

Từ lần chia tay ấy cho đến về sau, tôi không còn gặp lại hình hài của Bác ở giữa cuộc đời này nữa. Nhưng, cái kiểu sống như thế cũng đáng để tâm lắm chứ!

Bài thơ của Bác Tôi chép ra, Tôi không có lời nào bình về bài thơ đó, chỉ muốn ghi lại những gì của Bác.

Nơi đây, xin khép lòng tưởng nhớ một lão thơ “**siêu thực**” của cuối thế kỷ XX – Thật bùi ngùi!

07 tháng 10 năm 2017

LỜI KINH BAN MAI

Sáng thức trên tay có chén trà nóng, hơi khói
lãng đãng bốc lên từ chén nước vàng tươi,
thơm và ấm áp, đây một niệm an lành cần có.
Tâm thức trống không chưa kịp tính toán, dòng
suy tư nhẹ nhàng trong tĩnh lặng, và cứ thế ngồi.
Trạng thái này, muốn có được liên tục không
phải dễ, ai cũng có được điều này, và ai cũng có
quyền được như thế, nhưng đôi khi con người
đã lãng quên, hoặc tự đánh mất chúng, hay cứ lo
bôn ba những việc phía trước, chưa đến.

Chén trà xanh

Ngát hương,

Có động,

Đi trong miền tịch tĩnh.

Ngồi! Nhiều đáng ngồi, không cần phải ngồi
kiết già, ngồi bán già, duỗi chân cũng được v.v.
Ngồi bằng cách nào không quan trọng, miễn
thoải mái cả thân lẫn tâm, và đừng để cái cách
ngồi làm khó chịu tâm thức. Tâm đủ hạn chế và
kiểm soát được các duyên trần, các ngoại cảnh
xâm chiếm. Tâm đi sâu trong tiềm thức, vẫn trôi
giữa dòng chảy của các pháp rõ như ban ngày,

điều mà mọi người gọi là Thiền. Thiền ban đầu thực tập là vậy. Cứ thế mà thực tập, liên tục không gián đoạn, dù chỉ mười đến ba mươi phút. Sự định tĩnh chắc chắn sẽ có, và một ngày sẽ có thành tựu. Thành tựu các con đường thánh đạo.

*Ngồi
Giữa gió sương,
Trong thinh không,
Nơi tĩnh lặng,
Mặc nhiên,
Hỏi có không.*

Ai không ngồi được, hãy lật những trang Kinh. Kinh thì có nhiều kinh sách, ghi lại lời dạy của đức Phật, hãy chọn lựa cho mình những bài kinh, đọc có thể soi sáng được tâm thức cho chính mình, cứ thế lập đi lập lại mỗi ngày. Đôi khi không có kinh chúng ta vẫn có thể đọc được, trong tâm thức, vì lúc này kinh đã nhập tâm, hay tâm và kinh là một. Nếu có ngủ gục, vì chưa đủ duyên với kinh, hay người ta thường nói, nghiệp quá nhiều. Lạy Phật.

Lạy Phật có nhiều nghĩa nhiều cách, trước là lạy Phật để sám hối, gội rửa tâm thức vẫn đục, không biết tạo ra từ lúc nào, có thể là hôm qua và cũng có thể là đã nhiều ngày của hôm qua. Ai cũng có tạo nghiệp, tùy theo nhận thức và hành

vi của mỗi người, thiện ác, thô tế khác nhau, dẫn đến nghiệp khác nhau. Lạy Phật để sám hối tội chướng của ba nghiệp là ý này.

Lạy Phật là lạy đức tính của Phật. Lòng từ bi luôn hằng cứu độ chúng sanh; Trí tuệ là ánh sáng trong vắt, có năng lực dập tắt mọi ô nhiễm và phiền muộn của tâm thức, cũng như ngăn chặn được rất nhiều hành vi mang lại khổ đau cho mình và người; Sức tinh tấn là tâm nguyện dần thân làm tất cả những hành động có thể phục vụ nhân sinh, tăng trưởng hạnh phúc; Tính nhẫn nhục là trợ lực của muôn sự thành tựu, và muôn hạnh lành.v.v. Phước đức và trí tuệ của Ngài cao vời, ân đức của Phật đối với chúng sanh quá lớn, hạnh nguyện của Ngài với tất cả chúng sanh vĩ đại. Lạy Phật, phải lạy như thế, lạy để biểu lộ tâm và tánh của Phật trong mỗi con người, sẵn có và đã có, chỉ vì mình đã quên lãng. Lạy Phật không phải để cầu xin, mong đợi mà lạy Phật để nhiếp tâm thành Phật.

Tin ta mà không hiểu ta là hủy báng ta. Lời dạy của Phật như thế đó. Vậy, mỗi ngày được đọc một bài kinh, nhằm soi rọi tâm thức. Quả là hạnh phúc và tươi tỉnh. Đâu cần phải đọc nhiều. Đọc nhiều mà không nhớ gì, đọc ít thôi mà nhớ, ứng dụng được thì vẫn tốt hơn nhiều. Ví dụ, kinh Pháp cú của nhà Phật có mấy trăm bài, mỗi bài

chỉ có bốn câu, mỗi câu chỉ có năm chữ, cộng lại chỉ có hai mươi chữ, dễ nhớ, dễ thuộc, nhưng ý nghĩa thì quá tuyệt vời, súc tích đậm chất giáo dục nhận thức. Đọc vài lần nếu chưa hiểu, đọc nhiều lần, càng đọc càng thấm và càng hiểu, ứng dụng thì càng tươi sáng, như bài kinh sau:

*“Nhu ong đến với hoa,
Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lậy nhụy.
Bậc Thánh đi vào làng”.*

Lời kinh ban mai ở đây chính là tâm thức và hành vi sáng của mỗi buổi sáng thức dậy. Những thời khắc của ban mai, nếu chúng ta nạp được năng lượng như thế, quả nhiên trong ngày sẽ có nhiều điều tốt lành, vì đủ tinh để kiểm soát dòng chảy của căn- trần- thức. Có nhiều người họ đến với ban mai, bằng những tách cà phê trong tĩnh lặng. Hình ảnh của những quán cà phê, ở nhiều nước châu âu vào ban mai, rất thích. Quán nào cũng thật là tịnh, yên tĩnh dưới ánh đèn mờ ảo, đủ để người bàn này thấy được bàn của người khác, nhưng không phải là mồn một, và tất cả các bàn mở ra một tầm nhìn, tối sáng, có khi ánh sáng đó từ màu trắng của tuyết bên ngoài hắt vào. Người ta uống cà phê không ồn ào như mình, nếu hai người cùng bàn có nói chuyện, thì ai đó ngồi bàn bên cạnh cũng khó nghe được. Phần lớn, họ

đến để hồn phiêu trong tĩnh lặng, trong sự ngưng đọng của hành vi tâm thức tháo động, và trong ý thức thưởng thức một tách cà phê trọn vẹn.

Không gian và thời gian chỉ khoảng thế thôi, nếu lặng được thì có thể gọi đó là lời kinh ban mai của một người. Vì lời kinh cũng mang tính chất liên tục. Người đọc kinh phải thực hành liên tục như thế, mới có kết quả. Hành vi được lặp đi lặp lại của lời kinh mang ý nghĩa hết sức lớn cho một hành giả thực tập, có khi trải qua nhiều và nhiều kiếp sống mới thành tựu.

Nhìn biển rộng mỗi ngày, cũng là cách thực tập lời kinh. Cứ yên lặng để lòng dần trải bao la như biển lớn. Tác dụng vô cùng. Nhìn biển có chủ ý mỗi ngày, thì bao nhiêu cái ngõ hẹp đang nằm trong tâm thức sẽ được trải dài và một ngày nào đó, chúng sẽ biến mất hòa chung với sự bao la. Ở xứ biển, buổi sáng thường có ý thức đi biển. Đi cho khỏe, đi cho vui, đi để tám chuyện, để nhìn, để có không khí trong lành buổi sáng, và cũng đến để nhìn người ta bơi lội thấy vui, đến biển để tìm sự tĩnh lặng trong khí trời ban mai, với nhiều mục đích khác nhau. Hình ảnh người ta nằm dài trên biển để đọc một cuốn sách, ít thấy ở những bãi biển Việt Nam, phần lớn người nước ngoài có thói quen này. Lời kinh ban mai nằm trong đó, bởi vì đó là thói quen, thói quen là một

hành động được lập đi lập lại. Mà hành động tốt, thói quen giúp chúng ta phát triển sự yên tĩnh thì nên thực tập.

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| Ngày Mới | 4 |
| Lời Nói Đầu | 5 |
| Suy Nghiệm Chân Lý | 6 |
| Gìn Giữ Căn Lành..... | 8 |
| Mở Cửa Tự Tâm | 10 |
| Đôi Mắt Để Thấy | 12 |
| Lắng Nghe Để Hiểu | 16 |
| Tỏa Ngát Hương Thơm..... | 19 |
| Tướng Lưỡi Rộng Dài..... | 22 |
| Tám Thân Tốt Đẹp | 26 |
| Từ Điểm Vận Hành..... | 30 |
| Vạn Pháp Biến Chuyển..... | 32 |
| Thế Giới Này Nằm Trong Một Nhà Kho Vĩ Đại..... | 34 |
| Tản Mạn Ngày Lễ Tình Yêu | 37 |
| Để Có Một Thế Giới Sáng Trong..... | 40 |
| Xuân Tàn Mà Hoa Vẫn Thế | 43 |
| Con Đường Dễ Nhưng Khó Vượt..... | 45 |
| Cùng Sống Trong Ô Nhiễm | 48 |

| | |
|--|-----|
| Chi Sống Được Thôi Cũng Đã | |
| Chiến Thắng Rồi | 54 |
| Mênh Mông Học Làm Thánh | 60 |
| Lá Nào Cũng Rơi | 65 |
| Ai Bệnh? | 67 |
| Nỗi Đau Nào Hơn | 71 |
| Nghiep Đến Trôn Ở Đâu? | 75 |
| Còn Lời Nào Độc Hơn..... | 79 |
| Ai Cũng Có Tham Sân Nhưng Dám Xả Bỏ: Đó Chính Là Người Lớn..... | 86 |
| Sáng Giữa Ban Ngày | 94 |
| Trọn Một Niềm Tin..... | 99 |
| Giàu Để Làm Gì..... | 103 |
| Nhớ Lời Cha Dặn..... | 106 |
| Tự Phòng Hộ Hay Không Tự Phòng Hộ..... | 112 |
| Cháy - Cháy Cả Tâm Hồn..... | 118 |
| Ông Vua Và Những Trưa Hè Nắng Gắt..... | 124 |
| Lời Kinh Ban Mai..... | 130 |

LỜI KINH BAN MAI
HUỆ GIÁO

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA – VĂN NGHỆ TP.HCM
Hochiminh City Culture-Literature and Arts Publishing House
88-90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
ĐT: (028)38216009 – 39142419 – Fax: (028)39142890
Email: nxbvhvn@nxbvanhovannghe.org.vn
nxbvanhovannghe@yahoo.com.vn

Website và bán hàng trực tuyến:
www.nxbvanhovannghe.org.vn

Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM
 Gian hàng 03 Đường sách TP.HCM, đường Nguyễn Văn Bình,
 Quận 1, TP.HCM

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng Biên Tập: **ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO**

Biên tập

Nguyễn Thị Kim Phước

Sửa bản in

Bảo Bảo

Trình bày

Phạm Xuân Huy

Liên kết xuất bản

Trần Mạnh Linh

In 1.000 cuốn khổ 12 x 22cm

tại Công ty TNHH SX TM DV Mỹ Hoa

515 Phạm Văn Chiêu, Phường 13, Quận Gò Vấp, TP.HCM

Đăng ký KHXB: 2949-2018/CXBIPN/8-124/VNTPHCM.

Quyết định xuất bản số: 463/QĐ-NXBVHVN ngày: 29/08/2018

ISBN: 978-604-68-4916-2

In xong và nộp lưu chiểu Quý 3 năm 2018